UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM
Mã đề: 901
(Đề thi gồm 05 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Môn: **Giáo dục công dân 9**
Tiết theo KHDH:33 - Thời gian: 45 phút

Ghi ra giấy chữ cái đứng đầu đáp án đúng nhất.

Câu 1: Theo qui định của pháp luật, độ tuổi chịu trách nhiệm hành chính là
A. từ đủ 15 tuổi trở lên. B. từ đủ 14 tuổi trở lên.
C. từ đủ 13 tuổi trở lên. D. từ đủ 16 tuổi trở lên.

Câu 2: Khả năng nhận thức, điều khiển được việc làm của mình, được tự do lựa chọn cách xử sự và chịu trách nhiệm về hành vi đó gọi là
A. năng lực trách nhiệm hình sự. B. năng lực trách nhiệm pháp lí.
C. năng lực trách nhiệm dân sự. D. năng lực trách nhiệm hành chính.

Câu 3: *A vay tiền của ông C dây dưa không chịu trả nợ*. Hành vi của A là vi phạm pháp luật
A. kỉ luật. B. hành chính. C. hình sự. D. dân sự.

Câu 4: Quy định nào là đúng nhất của Nhà nước về độ tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự?
A. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi. B. Nam từ 18 tuổi đến 22 tuổi.
C. Nam từ 18 tuổi đến 24 tuổi. D. Nam từ 18 tuổi đến 21 tuổi.

Câu 5: Việc làm nào sau đây thể hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc?
A. Cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền đất nước.
B. Cản trở việc đăng kí tham gia nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ và huấn luyện .
C. Tự ý chụp ảnh, đăng tin sai sự thật tại các khu vực và trung tâm huấn luyện quân sự.
D. Báo cho người có trách nhiệm khi phát hiện hành vi nguy hại đến an ninh quốc gia.

Câu 6: Việc nhân dân tham gia bỏ phiếu kín để bầu trưởng thôn mới là thể hiện tinh thần nào sau đây?
A. Dân làm và thực hiện dân chủ trực tiếp. B. Dân kiểm tra và thông báo trực tiếp.
C. Dân biết và thông báo gián tiếp. D. Dân bàn và quyết định trực tiếp.

Câu 7: Sống có đạo đức và tuân theo pháp luật có ý nghĩa gì?
A. Giúp chúng ta có lối sống lành mạnh, hạnh phúc, thanh thản.
B. Trở thành người được xã hội trọng vọng.
C. Đem lại nhiều lợi ích cho bản thân.
D. Tránh bị người khác ghét bỏ, nói xấu.

Câu 8: Giáo viên và học sinh đóng góp ý kiến vào dự thảo Luật giáo dục là thể hiện quyền gì của công dân?
A. Quyền bình đẳng trước pháp luật. B. Quyền tự do hội họp.
C. Quyền tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 9: Trong các hình thức thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội dưới đây, hình thức nào là trực tiếp?
A. Tham gia bầu cử đại biểu quốc hội.

B. Góp ý cho hoạt động của công chức nhà nước trên báo đài.
C. Kiến nghị với đại biểu quốc hội.
D. Kiến nghị với đại biểu hội đồng nhân dân.

Câu 10: Đủ bao nhiêu tuổi công dân có quyền bầu cử?
A. 22 tuổi. B. 20 tuổi. C. 18 tuổi. D. 21 tuổi.

Câu 11: Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền và trách nhiệm của ai?
A. Tất cả mọi người dân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.
B. Những người đứng đầu bộ máy nhà nước.
C. Mọi công dân Việt Nam.
D. Cán bộ công chức nhà nước.

Câu 12: Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây?
A. Chỉ cán bộ công chức nhà nước mới có quyền tham gia quản lí nhà nước.
B. Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền của mọi người.
C. Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền và trách nhiệm của mọi công dân.
D. Chỉ những người đứng đầu các cơ quan nhà nước mới có quyền tham gia quản lí nhà nước.

Câu 13: ***Trong cuộc họp tổ dân phố, chị Lan yêu cầu ông tổ trưởng dân phố công khai các khoản đã chi tiêu về việc làm đường của phố để mọi người được biết.*** **Hành động của chị Lan thể hiện quyền gì của công dân?**
A. Quyền khiếu nại của công dân.
B. Quyền tham gia bàn bạc và thực hiện của công dân.
C. Quyền kiểm tra, giám sát của công dân.
D. Quyền tố cáo của công dân.

Câu 14: Bảo vệ Tổ quốc không gồm nội dung nào dưới đây?
A. Tham gia bảo vệ trật tự an ninh nơi cư trú.
B. Thực hiện nghĩa vụ quân sự.
C. Tham gia xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân.
D. Phát triển kinh tế địa phương.

Câu 15: Quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân là:
A. Quyền tham gia xây dựng, bàn bạc, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động , công việc chung của nhà nước và xã hội.
B. Quyền tham gia hội họp và quyết định các vấn đề quan trọng của xã hội và đất nước.
C. Quyền tham gia giám sát các hoạt động, việc làm của quan chức, cơ quan, đơn vị công quyền.
D. Quyền tham gia ứng cử và bầu cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân.

Câu 16: Đủ bao nhiêu tuổi công dân có quyền ứng cử vào Quốc hội, hội đồng nhân dân?
A. 18 tuổi. B. 19 tuổi. C. 20 tuổi. D. 21 tuổi.

Câu 17: Nghĩa vụ mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức vi phạm pháp luật phải chấp hành biện pháp bắt buộc do Nhà nước qui định là
A. trách nhiệm dân sự. B. trách nhiệm pháp lí.
C. trách nhiệm hành chính. D. vi phạm pháp luật.

động, khủng bố. **Em sẽ lựa chọn hành động nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc?**

A. Nhiệt tình tham gia buổi biểu tình của tổ chức.

B. Đăng bài, chia sẻ ủng hộ những vụ việc của tổ chức này.

C. Không tham gia buổi biểu tình.

D. Rủ rê, lôi kéo thêm bạn bè cùng tham gia biểu tình.

Câu 28: ***Chính quyền xã H đã không tiếp nhận đơn tố cáo của người dân về việc ông trưởng thôn X tham ô công quỹ trong việc làm đường giao thông nông thôn mới.*** **Hành động của chính quyền xã H đã vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội nào sau đây?**

A. Quyền dân biết về các công việc chung.

B. Quyền dân bàn về các công việc chung.

C. Quyền dân làm và thực hiện các công việc chung.

D. Quyền dân kiểm tra, giám sát các công việc chung.

Câu 29. ***Nam và Huy tranh cãi với nhau về việc tham gia nghĩa vụ quân sự. Nam cho rằng tham gia nghĩa vụ quân sự là quyền của mỗi người, không được ép buộc.*** **Nếu em là Huy, em sẽ giải thích cho Nam theo những cách nào sau đây cho bạn hiểu về tham gia nghĩa vụ quân sự?**

A. Mọi công dân nam đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ và tham gia quân sự nếu đủ các điều kiện sức khỏe.

B. Mọi thanh niên nam nữ đủ 17 tuổi đều phải tham gia nghĩa vụ quân sự khi đủ sức khỏe.

C. Chỉ tham gia nghĩa vụ quân sự nếu không còn đi học và có quyền từ chối nếu không muốn.

D. Muốn tham gia quân sự phải sau 30 tuổi và tự do quyết định thời gian tham gia bao nhiêu năm.

Câu 30. Những việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc?

A. Trốn tập quân sự trong trường học.

B. Không tham gia sinh hoạt Đoàn- Đội.

C. Tham gia đội An ninh xung kích của trường.

D. Rủ rê bạn bè nói xấu chính quyền địa phương.

Câu 31. Nội dung nào sau đây *không đúng* về trách nhiệm của học sinh trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc?

A. Ra sức học tập, tu dưỡng đạo đức. B. Rèn luyện sức khỏe, luyện tập quân sự.

C.Tham gia biểu tình ủng hộ khủng bố. D. Tham gia phong trào bảo vệ an ninh.

Câu 32. Hãy lựa chọn đáp án *không đúng* dưới đây nói về việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc của học sinh hiện nay?

A. Ra sức học tập, tu dưỡng đạo đức, rèn luyện sức khỏe, thể chất.

B. Tích cực tham gia các phong trào bảo vệ trật tự, an ninh.

C. Sẵn sàng làm nghĩa vụ quân sự, vận động người khác tham gia.

D. Gia đình dùng tiền, mối quan hệ để không tham gia nghĩa vụ quân sự.

Câu 33. ***Chị Hằng đã có gia đình nhưng chồng đi công tác xa .Ở nhà chị có quan hệ lén lút với người đàn ông khác.***

Em nhận thấy chị Hằng trong câu chuyện trên là người như thế nào ?
A. Sống vi phạm pháp luật và thuần phong mĩ tục của xã hội.
B. Không có đạo đức và không tuân theo pháp luật.
C. Sống vô trách nhiệm với chồng và gia đình hai bên.
D. Là người ích kỉ chỉ biết đến lợi ích của mình.

Câu 34. ***Nam là một học sinh không ngoan của lớp. Để có tiền tiêu xài, Nam đã lấy trộm tiền của các bạn trong lớp.*** **Nếu là bạn của Nam em sẽ ứng xử thế nào?**
A. Khuyên nhủ bạn không làm như vậy nữa và báo cô giáo chủ nhiệm.
B. Rủ các bạn trong lớp tẩy tray không chơi với Nam.
C. Mặc kệ bạn vì mình không bị mất tiền.
D. Đồng tình với việc làm của bạn và không mách ai cả dù biết.

Câu 35. Nếu trong gia đình em có anh trai hay gây sự với mọi người và có biểu hiện của nghiện ma túy. Em sẽ ứng xử thế nào trong các cách dưới đây?
A. Mặc kệ vì mình còn nhỏ không nên can thiệp.
B. Giúp anh trai nói dối bố mẹ việc mình bị nghiện.
C. Nói với bố mẹ để anh đi cai nghiện tại trường giáo dưỡng.
D. Xa lánh, ghét bỏ và không thèm quan tâm đến anh nữa.

Câu 36. Em tán thành với quan điểm nào sau đây để rèn luyện đạo đức và tuân thủ pháp luật?
A. Cần rèn luyện dạo đức và ý thức pháp luật ngay từ khi còn nhỏ.
B. Chỉ những người lớn mới phải rèn luyện phẩm chất này.
C. Chỉ cần cư xử tốt với mọi người mình quen biết là đủ.
D. Sống khép mình, ít giao tiếp với mọi người mới tránh được những sai phạm.

Câu 37. Biểu hiện nào dưới đây thể hiện là người *không có* đạo đức?
A. Yêu thương giúp đỡ mọi người.
B. Sống quan tâm đến làng xóm, láng giềng.
C. Không quan tâm đến ông bà cha mẹ.
D. Tích cực tham gia các phong trào tình nguyện.

Câu 38. Hãy lựa chọn trong số việc làm sau để rèn luyện ý thức pháp luật?
A. Hạn chế ra ngoài đường để không vi phạm pháp luật.
B. Học tập, tìm hiểu kiến thức pháp luật để trang bị cho mình.
C. Tích cực, tự giác trong các phong trào văn nghệ.
D. Tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 39. Biểu hiện nào dưới đây thể hiện là người *không có* đạo đức?
A. Yêu thương giúp đỡ mọi người.
B. Sống quan tâm đến làng xóm, láng giềng.
C. Không quan tâm đến ông bà cha mẹ.
D. Tích cực tham gia các phong trào tình nguyện.

Câu 40. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của người sống có đạo đức?
A. Tham gia hiến máu nhân đạo.
B. Làm tốt nghĩa vụ của mình với Tổ quốc.
C. Tham gia vào việc tuyên truyền quy định của pháp luật.
D. Thực hiện đúng hợp đồng lao động.

Chúc các em làm bài tốt!

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM
Mã đề: 902
(Đề thi gồm 05 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Môn: **Giáo dục công dân 9**
Tiết theo KHDH:33 - Thời gian: 45 phút

Ghi ra giấy chữ cái đứng đầu đáp án đúng nhất.

Câu 1. Nội dung nào sau đây *không đúng* về trách nhiệm của học sinh trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc?

A. Ra sức học tập, tu dưỡng đạo đức.
B. Rèn luyện sức khỏe, luyện tập quân sự.
C.Tham gia biểu tình ủng hộ khủng bố.
D. Tham gia phong trào bảo vệ an ninh.

Câu 2. Hãy lựa chọn đáp án *không đúng* dưới đây nói về việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc của học sinh hiện nay?

A. Ra sức học tập, tu dưỡng đạo đức, rèn luyện sức khỏe, thể chất.
B. Tích cực tham gia các phong trào bảo vệ trật tự, an ninh.
C. Sẵn sàng làm nghĩa vụ quân sự, vận động người khác tham gia.
D. Gia đình dùng tiền, mối quan hệ để không tham gia nghĩa vụ quân sự.

Câu 3. *Chị Hằng đã có gia đình nhưng chồng đi công tác xa .Ở nhà chị có quan hệ lén lút với người đàn ông khác.*
Em nhận thấy chị Hằng trong câu chuyện trên là người như thế nào ?
A. Sống vi phạm pháp luật và thuần phong mĩ tục của xã hội.
B. Không có đạo đức và không tuân theo pháp luật.
C. Sống vô trách nhiệm với chồng và gia đình hai bên.
D. Là người ích kỉ chỉ biết đến lợi ích của mình.

Câu 4. *Nam là một học sinh không ngoan của lớp. Để có tiền tiêu xài, Nam đã lấy trộm tiền của các bạn trong lớp.* Nếu là bạn của Nam em sẽ ứng xử thế nào?
A. Khuyên nhủ bạn không làm như vậy nữa và báo cô giáo chủ nhiệm.
B. Rủ các bạn trong lớp tẩy tray không chơi với Nam.
C. Mặc kệ bạn vì mình không bị mất tiền.
D. Đồng tình với việc làm của bạn và không mách ai cả dù biết.

Câu 5. Nếu trong gia đình em có anh trai hay gây sự với mọi người và có biểu hiện của nghiện ma túy. Em sẽ ứng xử thế nào trong các cách dưới đây?
A. Mặc kệ vì mình còn nhỏ không nên can thiệp.
B. Giúp anh trai nói dối bố mẹ việc mình bị nghiện.
C. Nói với bố mẹ để anh đi cai nghiện tại trường giáo dưỡng.
D. Xa lánh, ghét bỏ và không thèm quan tâm đến anh nữa.

Câu 6. Em tán thành với quan điểm nào sau đây để rèn luyện đạo đức và tuân thủ pháp luật?
A. Cần rèn luyện đạo đức và ý thức pháp luật ngay từ khi còn nhỏ.
B. Chỉ những người lớn mới phải rèn luyện phẩm chất này.
C. Chỉ cần cư xử tốt với mọi người mình quen biết là đủ.
D. Sống khép mình, ít giao tiếp với mọi người mới tránh được những sai phạm.

Câu 7. Biểu hiện nào dưới đây thể hiện là người *không có* đạo đức?

A. Yêu thương giúp đỡ mọi người.
B. Sống quan tâm đến làng xóm, láng giềng.
C. Không quan tâm đến ông bà cha mẹ.
D. Tích cực tham gia các phong trào tình nguyện.

Câu 8. Hãy lựa chọn trong số việc làm sau để rèn luyện ý thức pháp luật?
A. Hạn chế ra ngoài đường để không vi phạm pháp luật.
B. Học tập, tìm hiểu kiến thức pháp luật để trang bị cho mình.
C. Tích cực, tự giác trong các phong trào văn nghệ.
D. Tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 9. Biểu hiện nào dưới đây thể hiện là người *không có* đạo đức?
A. Yêu thương giúp đỡ mọi người.
B. Sống quan tâm đến làng xóm, láng giềng.
C. Không quan tâm đến ông bà cha mẹ.
D. Tích cực tham gia các phong trào tình nguyện.

Câu 10. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của người sống có đạo đức?
A. Tham gia hiến máu nhân đạo.
B. Làm tốt nghĩa vụ của mình với Tổ quốc.
C. Tham gia vào việc tuyên truyền quy định của pháp luật.
D. Thực hiện đúng hợp đồng lao động.

Câu 11: Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền và trách nhiệm của ai?
A. Tất cả mọi người dân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.
B. Những người đứng đầu bộ máy nhà nước.
C. Mọi công dân Việt Nam.
D. Cán bộ công chức nhà nước.

Câu 12: Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây?
A. Chỉ cán bộ công chức nhà nước mới có quyền tham gia quản lí nhà nước.
B. Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền của mọi người.
C. Tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội là quyền và trách nhiệm của mọi công dân.
D. Chỉ những người đứng đầu các cơ quan nhà nước mới có quyền tham gia quản lí nhà nước.

Câu 13: *Trong cuộc họp tổ dân phố, chị Lan yêu cầu ông tổ trưởng dân phố công khai các khoản đã chi tiêu về việc làm đường của phố để mọi người được biết.* Hành động của chị Lan thể hiện quyền gì của công dân?
A. Quyền khiếu nại của công dân.
B. Quyền tham gia bàn bạc và thực hiện của công dân.
C. Quyền kiểm tra, giám sát của công dân.
D. Quyền tố cáo của công dân.

Câu 14: Bảo vệ Tổ quốc không gồm nội dung nào dưới đây?
A. Tham gia bảo vệ trật tự an ninh nơi cư trú.
B. Thực hiện nghĩa vụ quân sự.
C. Tham gia xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân.
D. Phát triển kinh tế địa phương.

Câu 15: Quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân là:

A. Quyền tham gia xây dựng, bàn bạc, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động , công việc chung của nhà nước và xã hội.

B. Quyền tham gia hội họp và quyết định các vấn đề quan trọng của xã hội và đất nước.

C. Quyền tham gia giám sát các hoạt động, việc làm của quan chức, cơ quan, đơn vị công quyền.

D. Quyền tham gia ứng cử và bầu cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân.

Câu 16: Đủ bao nhiêu tuổi công dân có quyền ứng cử vào Quốc hội, hội đồng nhân dân?

A. 18 tuổi. B. 19 tuổi. C. 20 tuổi. D. 21 tuổi.

Câu 17: Nghĩa vụ mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức vi phạm pháp luật phải chấp hành biện pháp bắt buộc do Nhà nước qui định là

A. trách nhiệm dân sự. B. trách nhiệm pháp lí.

C. trách nhiệm hành chính. D. vi phạm pháp luật.

Câu 18: ***Nhà Quang có hai anh em. Anh trai Quang vừa có giấy gọi nhập ngũ đợt này. Hay tin, mẹ của Quang khóc lóc và tìm mọi cách xin cho anh không phải tham gia.*** **Nếu em là Quang em sẽ khuyên mẹ như thế nào?**

A. Khuyên nhủ và giải thích cho mẹ hiểu về nghĩa vụ tham gia quân sự.

B. Ủng hộ mẹ và khuyên mẹ lên xin chính quyền địa phương không tham gia.

C. Đồng tình với mẹ vì tham gia nghĩa vụ quân sự không phải là nghĩa vụ.

D. Khuyên anh trai viết đơn và giả vờ bị bệnh để không phải tham gia.

Câu 19: Bảo vệ Tổ quốc là

A. chỉ tham gia thực hiện đầy đủ pháp luật và nghĩa vụ quân sự.

B. tham gia phong trào bảo vệ trật tự an ninh trong trường học và nơi cư trú.

C. nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của cơ quan nhà nước.

D. bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 20: Trong các quyền của công dân dưới đây, quyền nào thể hiện sự tham gia của công dân vào quản lí nhà nước, quản lí xã hội?

A. Quyền được học tập. B. Quyền khiếu nại, tố cáo.

C. Quyền tự do kinh doanh. D. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

Câu 21: Những hành vi, việc làm nào dưới đây *không* thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc?

A. Đăng kí nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi quy định.

B. Không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ.

C. Tham gia tập quân sự ở trường học.

D. Vận động bạn bè và người thân tham gia nhập ngũ.

Câu 22: ***Tùng 14 tuổi, sử dụng xe máy của bố đi vào đường cấm và bị công an xử phạt.*** **Hành vi của Tùng đã vi phạm pháp luật gì?**

A. Vi phạm pháp luật hành chính. B. Vi phạm pháp luật hình sự.

C. Vi phạm pháp luật dân sự. D. Vi phạm kỉ luật.

Câu 23: Người từ đủ bao nhiêu tuổi thì phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi loại tội phạm?

A. 18 tuổi. B. 15 tuổi. C. 16 tuổi. D. 17 tuổi.

Câu 24: Hành vi vi phạm pháp luật nguy hiểm cho xã hội, được qui định trong Bộ luật hình sự là vi phạm pháp luật

A. hành chính. B. hình sự. C. kỉ luật. D. dân sự.

Câu 25: Người luôn suy nghĩ và hành động theo những chuẩn mực đạo đức và xã hội là người

A. sống có văn hóa. B. sống có trách nhiệm.
C. sống có đạo đức. D. tuân theo pháp luật.

Câu 26: Theo em, việc làm nào dưới đây vừa là việc làm có đạo đức và tuân thủ pháp luật?

A. Chăm ngoan, học giỏi, không sa ngã vào tệ nạn xã hội.
B. Tích cực tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa.
C. Giúp đỡ các bạn nghèo vượt khó học tập.
D. Tham gia tuyên truyền phòng chống ma túy học đường.

Câu 27: ***Trong vụ ô nhiễm môi trường biển tại 4 tỉnh Miền trung do công ty Fomosa vi phạm. Nhiều thế lực thù địch đã lợi dụng tình hình chính trị để kích động, khủng bố.*** **Em sẽ lựa chọn hành động nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc?**

A. Nhiệt tình tham gia buổi biểu tình của tổ chức.
B. Đăng bài, chia sẻ ủng hộ những vụ việc của tổ chức này.
C. Không tham gia buổi biểu tình.
D. Rủ rê, lôi kéo thêm bạn bè cùng tham gia biểu tình.

Câu 28: ***Chính quyền xã H đã không tiếp nhận đơn tố cáo của người dân về việc ông trưởng thôn X tham ô công quỹ trong việc làm đường giao thông nông thôn mới.*** **Hành động của chính quyền xã H đã vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội nào sau đây?**

A. Quyền dân biết về các công việc chung.
B. Quyền dân bàn về các công việc chung.
C. Quyền dân làm và thực hiện các công việc chung.
D. Quyền dân kiểm tra, giám sát các công việc chung.

Câu 29. ***Nam và Huy tranh cãi với nhau về việc tham gia nghĩa vụ quân sự. Nam cho rằng tham gia nghĩa vụ quân sự là quyền của mỗi người, không được ép buộc.*** **Nếu em là Huy, em sẽ giải thích cho Nam theo những cách nào sau đây cho bạn hiểu về tham gia nghĩa vụ quân sự?**

A. Mọi công dân nam đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ và tham gia quân sự nếu đủ các điều kiện sức khỏe.
B. Mọi thanh niên nam nữ đủ 17 tuổi đều phải tham gia nghĩa vụ quân sự khi đủ sức khỏe.
C. Chỉ tham gia nghĩa vụ quân sự nếu không còn đi học và có quyền từ chối nếu không muốn.
D. Muốn tham gia quân sự phải sau 30 tuổi và tự do quyết định thời gian tham gia bao nhiêu năm.

Câu 30. Những việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc?

A. Trốn tập quân sự trong trường học.
B. Không tham gia sinh hoạt Đoàn- Đội.
C. Tham gia đội An ninh xung kích của trường.
D. Rủ rê bạn bè nói xấu chính quyền địa phương.

Câu 31: Theo qui định của pháp luật, độ tuổi chịu trách nhiệm hành chính là

A. từ đủ 15 tuổi trở lên. B. từ đủ 14 tuổi trở lên.

C. từ đủ 13 tuổi trở lên. D. từ đủ 16 tuổi trở lên.

Câu 32: Khả năng nhận thức, điều khiển được việc làm của mình, được tự do lựa chọn cách xử sự và chịu trách nhiệm về hành vi đó gọi là

A. năng lực trách nhiệm hình sự. B. năng lực trách nhiệm pháp lí.

C. năng lực trách nhiệm dân sự. D. năng lực trách nhiệm hành chính.

Câu 33: ***A vay tiền của ông C dây dưa không chịu trả nợ.*** **Hành vi của A là vi phạm pháp luật**

A. kỉ luật. B. hành chính. C. hình sự. D. dân sự.

Câu 34: Quy định nào là đúng nhất của Nhà nước về độ tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự?

A. Nam từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi. B. Nam từ 18 tuổi đến 22 tuổi.

C. Nam từ 18 tuổi đến 24 tuổi. D. Nam từ 18 tuổi đến 21 tuổi.

Câu 35: Việc làm nào sau đây thể hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc?

A. Cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền đất nước.

B. Cản trở việc đăng kí tham gia nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ và huấn luyện .

C. Tự ý chụp ảnh, đăng tin sai sự thật tại các khu vực và trung tâm huấn luyện quân sự.

D. Báo cho người có trách nhiệm khi phát hiện hành vi nguy hại đến an ninh quốc gia.

Câu 36: Việc nhân dân tham gia bỏ phiếu kín để bầu trưởng thôn mới là thể hiện tinh thần nào sau đây?

A. Dân làm và thực hiện dân chủ trực tiếp. B. Dân kiểm tra và thông báo trực tiếp.

C. Dân biết và thông báo gián tiếp. D. Dân bàn và quyết định trực tiếp.

Câu 37: Sống có đạo đức và tuân theo pháp luật có ý nghĩa gì?

A. Giúp chúng ta có lối sống lành mạnh, hạnh phúc, thanh thản.

B. Trở thành người được xã hội trọng vọng.

C. Đem lại nhiều lợi ích cho bản thân.

D. Tránh bị người khác ghét bỏ, nói xấu.

Câu 38: Giáo viên và học sinh đóng góp ý kiến vào dự thảo Luật giáo dục là thể hiện quyền gì của công dân?

A. Quyền bình đẳng trước pháp luật. B. Quyền tự do hội họp.

C. Quyền tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. D. Quyền tự do ngôn luận.

Câu 39: Trong các hình thức thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội dưới đây, hình thức nào là trực tiếp?

A. Tham gia bầu cử đại biểu quốc hội.

B. Góp ý cho hoạt động của công chức nhà nước trên báo đài.

C. Kiến nghị với đại biểu quốc hội.

D. Kiến nghị với đại biểu hội đồng nhân dân.

Câu 40: Đủ bao nhiêu tuổi công dân có quyền bầu cử?

A. 22 tuổi. B. 20 tuổi. C. 18 tuổi. D. 21 tuổi.

Chúc các em làm bài tốt!

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Mã đề: **901**
(Đề thi có 04 trang)

KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Môn: **SINH HỌC 9**
Tiết theo KHDH: 67-Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm Ghi lại chữ cái trước đáp án đúng.

Câu 1: Sự phát sinh, phát triển của sự sống trên Trái Đất lần lượt trải qua các giai đoạn:
A. Tiến hoa hóa học – tiến hóa sinh học.
B. Tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học - tiến hóa sinh học.
C. Tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học.
D. Tiến hoa tiền sinh học – tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học.

Câu 2: Ở xã hội nông nghiệp do con người hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã:
A. chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác.
B. chặt phá rừng lấy đất chăn thả gia súc.
C. đốt rừng lấy đất trồng trọt.
D. chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác, chăn thả gia súc.

Câu 3: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:
A. Chúng cung cấp nước uống cho sinh vật khác.
B. Chúng cung cấp dinh dưỡng cho sinh vật khác.
C. chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
D. Chúng tạo ra nơi ở cho các sinh vật khác.

Câu 4: Lưới thức ăn là:
A. gồm các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung.
B. gồm một chuỗi thức ăn.
C. gồm ít nhất là 1 chuỗi thức ăn trở lên.
D. gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau.

Câu 5: Tác động lớn nhất của con người tới môi trường tự nhiên là:
A. phá huỷ thảm thực vật, gây ra nhiều hậu quả xấu.
B. cải tạo tự nhiên làm mất cân bằng sinh thái.
C. gây ô nhiễm môi trường.
D. làm giảm lượng nước gây khô hạn.

Câu 6: Tập hợp các sinh vật nào sau dây được coi là một quần xã?
A. Bầy sói trong rừng
B. Tôm, cá trong hồ tự nhiên
C. Đàn hải âu ở biển
D. Đồi cọ ở Vĩnh Phúc

Câu 7: Số lượng cá thể trong quần xã luôn được khống chế ở mức độ nhất định phù hợp với khả năng của môi trường. Hiện tượng này gọi là:
A. sự phát triển của quần xã.
B. sự bất biến của quần xã.
C. sự giảm sút của quần xã.
D. sự cân bằng sinh học trong quần xã.

Câu 8: Sinh vật nào là mắt xích cuối cùng trong chuỗi thức ăn hoàn chỉnh?
A. Sinh vật phân giải.
B. Động vật ăn thực vật.
C. Động vật ăn thịt.
D. Thực vật.

Câu 9: Rừng mưa nhiệt đới là:
A. một quần xã sinh vật.
B. một quần thể sinh vật.
C. một quần xã thực vật.
D. một quần xã động vật.

Câu 10: Sinh vật nào là mắt xích đầu tiên trong chuỗi thức ăn hoàn chỉnh?

A. Sinh vật phân giải
B. Động vật ăn thực vật
C. Động vật ăn thịt
D. Thực vật

Câu 11: Đơn vị của tiến hóa nhỏ là:

A. nòi **B.** cá thể **C.** quần thể **D.** quần xã

Câu 12: Trong chuỗi thức ăn sau: Cây cỏ —> Bọ rùa —> Ếch —Rắn —> Vi sinh vật. Thì rắn là:

A. sinh vật tiêu thụ cấp 2.
B. sinh vật tiêu thụ cấp 3.
C. sinh vật tiêu thụ cấp 1.
D. sinh vật sản xuất.

Câu 13: Thế nào là ô nhiễm môi trường?

A. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn. Các tính chất vật lí. hoá học ,sinh học thay đổi.

B. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn. Các tính chất vật lí. hoá học , sinh học bị thay đổi gây tác hại cho con người và các sinh vật khác.

C. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn .

D. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn. Các tính chất vật lí thay đổi.

Câu 14: Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường là gì?

A. Do 1 số hoạt động của tự nhiên (núi lửa. lũ lụt..).
B. Do hoạt động của con người gây ra .
C. Do hoạt động của con người gây ra và do 1 số hoạt động của tự nhiên.
D. Do con người thải rác ra sông.

Câu 15: Trong một quần xã sinh vật, loài đặc trưng là:

A. Loài có tỉ lệ đực/ cái ổn định nhất.
B. Loài đóng vai trò quan trọng (số lượng lớn).
C. Loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.
D. Loài có số lượng cá thể cái đông nhất.

Câu 16: Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thuỷ là:

A. chăn nuôi, công nghiệp.
B. chăn nuôi, trồng trọt.
C. săn bắt thú, hái lượm cây rừng.
D. sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

Câu 17: Chỉ số nào thể hiện mật độ cá thể của từng loài trong quần xã?

A. Độ thường gặp. **B.** Độ đa dạng. **C.** Độ tập trung. **D.** Độ nhiều.

Câu 18: Hiện tượng khống chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể nào sau đây:

A. quần thể cá chép và quần thể cá rô.
B. quần thể chim sẻ và quần thể chim chào mào.
C. quần thể ếch đồng và quần thể chim sẻ.
D. quần thể gà và quần thể châu chấu.

Câu 19: Nguyên nhân gây cháy nhiều khu rừng thời nguyên thuỷ là do:

A. con người dùng lửa để nấu nướng thức ăn .
B. con người dùng lửa để lấy ánh sáng
C. con người dùng lửa sưởi ấm .
D. con người đốt lửa dồn thú dữ vào các hố sâu để bắt.

Câu 20: Thành phần vô sinh của hệ sinh thái bao gồm những yếu tố nào sau đây:

A. các nhân tố khí hậu như: nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, thực vật.
B. nước, khí cacbonic, khí oxi, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm.
C. các chất mùn, bã, các loại rêu, địa y.
D. các chất vô cơ: nước, khí cacbonic, khí oxi, các loại virus, vi khuẩn, cây cối…

Câu 21: Đặc điểm chỉ có ở quần xã sinh vật mà không có ở quần thể sinh vật?

A. Tập hợp cá thể của nhiều loài sinh vật
B. Cùng phân bố trong không gian nhất định.
C. Có khả năng sinh sản và giao phối.
D. Có số cá thể cùng loài.

Câu 22: Xét chuỗi thức ăn: Cỏ - chuột – rắn hổ mang – đại bàng – Vi sinh vật. Trong đó, sinh vật tiêu thụ là:

A. cỏ, đại bàng.
B. cỏ, chuột, rắn hổ mang, đại bàng.
C. chuột, rắn hổ mang, đại bàng.
D. đại bàng.

Câu 23: Năm sinh vật là: Trăn, cỏ, châu chấu, gà rừng và vi khuẩn có thể có quan hệ dinh dưỡng theo sơ đồ nào dưới đây?

A. Cỏ —> châu chấu —> vi khuẩn —> gà rừng —> trăn.
B. Cỏ —> châu chấu —> trăn —> gà rừng —> vi khuẩn.
C. Cỏ —> trăn —> châu chấu —> vi khuẩn —> gà rừng.
D. Cỏ —> châu chấu —> gà rừng —> trăn —> vi khuẩn.

Câu 24: Một hệ sinh thái hoàn chỉnh bao gồm những thành phần chủ yếu nào sau đây:

A. thành phần vô sinh, thành phần hữu cơ, thành phần vô cơ.
B. thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.
C. thành phần động vật, thành phần thực vật, thành phần vi sinh vật.
D. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.

Câu 25: Hiện tượng số lượng cá thể của một quần thể bị số lượng cá thể của quần thể khác trong quần xã kìm hãm là hiện tượng nào sau đây:

A. hỗ trợ giữa các loài.
B. khống chế sinh học.
C. cạnh tranh giữa các loài.
D. hội sinh giữa các loài.

Câu 26: Trong một quần xã sinh vật, loài ưu thế là:

A. loài đóng vai trò quan trọng (số lượng lớn).
B. loài có số lượng cá thể cái đông nhất.
C. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.
D. loài có tỉ lệ đực/ cái ổn định nhất.

Câu 27: Chỉ số thể hiện mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã là:

A. độ đa dạng. B. độ thường gặp. C. độ nhiều. D. độ tập trung.

Câu 28: Trong mối quan hệ giữa các thành phần trong quần xã, thì quan hệ đóng vai trò quan trọng nhất là:

A. quan hệ hỗ trợ.
B. quan hệ dinh dưỡng.
C. quan hệ về nơi ở.
D. quan hệ đối địch.

Câu 29: Mô hình V A C (vườn - ao - chuồng) là một hệ sinh thái vì có:

A. Đầy đủ các loại sinh vật.
B. Chu trình tuần hoàn vật chất.
C. Kích thước quần xã lớn và có chu trình tuần hoàn vật chất.
D. Thành phần loài phong phú.

Câu 30: Vai trò quan trọng nhất của ánh sáng đối với động vật là:

A. Kiếm mồi.
B. Nhận biết các vật.
C. Sinh sản
D. Định hướng di chuyển trong không gian.

Câu 31: Ở quần thể người, quy định nhóm tuổi trước sinh sản là:

A. Từ 15 đến dưới 20 tuổi
B. Từ sơ sinh đến dưới 15 tuổi
C. Từ sơ sinh đến dưới 25 tuổi
D. Từ sơ sinh đến dưới 20 tuổi

Câu 32: Nếu một nước có số trẻ em dưới 15 tuổi chiếm trên 30% dân số, số lượng người già chiếm dưới 10%, tuổi thọ trung bình thấp thì được xếp vào loại nước có:

A. Tháp dân số tương đối ổn định
B. Tháp dân số giảm sút
C. Tháp dân số ổn định
D. Tháp dân số phát triển

Câu 33: Ví dụ nào sau đây *không* phải là quần thể sinh vật?

A. Các cá thể chim cánh cụt sống ở bờ biển Nam cực.
B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.
C. Các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.
D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng Đông bắcViệt Nam.

Câu 34: Mật độ của quần thể động vật tăng khi nào?

A. Khi điều kiện sống thay đổi đột ngột như lụt lội, cháy rừng, dịch bệnh, ...
B. Khi khu vực sống của quần thể mở rộng.
C. Khi có sự tách đàn của một số cá thể trong quần thể.
D. Khi nguồn thức ăn trong quần thể dồi dào.

Câu 35: Tỉ lệ giới tính trong quần thể thay đổi chủ yếu theo:

A. Lứa tuổi của cá thể và sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái.
B. Nguồn thức ăn của quần thể.
C. Khu vực sinh sống.
D. Cường độ chiếu sáng.

Câu 36: Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thuỷ là:

A. Hái quả, săn bắt thú.
B. Bắt cá, hái quả.
C. Săn bắt thú, hái lượm cây rừng.
D. Săn bắt động vật và hái lượm cây rừng.

Câu 37: Ở xã hội công nghiệp xuất hiện nhiều vùng trồng trọt lớn là do:

A. Nền nông nghiệp cơ giới hoá.
B. Công nghiệp khai khoáng phát triển.
C. Chế tạo ra máy hơi nước.
D. Nền hoá chất phát triển.

Câu 38: Ở xã hội nông nghiệp, hoạt động nông nghiệp đem lại lợi ích là:

A. Hình thành các hệ sinh thái trồng trọt.
B. Tích luỹ thêm nhiều giống vật nuôi.
C. Tích luỹ thêm nhiều giống cây trồng, vật nuôi.
D. Tích luỹ thêm nhiều giống cây trồng, vật nuôi và hình thành các hệ sinh thái trồng trọt.

Câu 39: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật hằng nhiệt?

A. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.
B. Bồ câu, cá rô phi, cá chép, chó sói.
C. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.
D. Bồ câu, chó sói, thỏ, dơi.

Câu 40: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật biến nhiệt?

A. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.
B. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.
C. Bồ câu, mèo, thỏ, dơi.
D. Bồ câu, cá rô phi, cá chép, mèo.

Chúc các em làm bài tốt!

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Mã đề: **902**
(Đề thi có 04 trang)

KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Môn: **SINH HỌC 9**
Tiết theo KHDH: 67-Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm Ghi lại chữ cái trước đáp án đúng.

Câu 1: Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường là gì?

A. Do hoạt động của con người gây ra .
B. Do 1 số hoạt động của tự nhiên (núi lửa, lũ lụt..).
C. Do hoạt động của con người gây ra và do 1 số hoạt động của tự nhiên.
D. Do con người thải rác ra sông.

Câu 2: Tập hợp các sinh vật nào sau đây được coi là một quần xã?

A. Đồi cọ ở Vĩnh Phúc
B. Bầy sói trong rừng
C. Đàn hải âu ở biển
D. Tôm, cá trong hồ tự nhiên

Câu 3: Sự phát sinh, phát triển của sự sống trên Trái Đất lần lượt trải qua các giai đoạn:

A. Tiến hóa hóa học – tiến hóa sinh học.
B. Tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học - tiến hóa sinh học.
C. Tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học – tiến hóa tiền sinh học.
D. Tiến hóa tiền sinh học – tiến hóa sinh học – tiến hóa hóa học.

Câu 4: Rừng mưa nhiệt đới là:

A. một quần xã thực vật.
B. một quần thể sinh vật.
C. một quần xã sinh vật.
D. một quần xã động vật.

Câu 5: Trong một quần xã sinh vật, loài đặc trưng là:

A. Loài đóng vai trò quan trọng (số lượng lớn).
B. Loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.
C. Loài có tỉ lệ đực/ cái ổn định nhất.
D. Loài có số lượng cá thể cái đông nhất.

Câu 6: Hiện tượng số lượng cá thể của một quần thể bị số lượng cá thể của quần thể khác trong quần xã kìm hãm là hiện tượng nào sau đây:

A. hỗ trợ giữa các loài.
B. khống chế sinh học.
C. cạnh tranh giữa các loài.
D. hội sinh giữa các loài.

Câu 7: Đơn vị của tiến hóa nhỏ là:

A. nòi
B. cá thể
C. quần thể
D. quần xã

Câu 8: Sinh vật nào là mắt xích cuối cùng trong chuỗi thức ăn hoàn chỉnh?

A. Thực vật.
B. Động vật ăn thịt.
C. Sinh vật phân giải.
D. Động vật ăn thực vật.

Câu 9: Chỉ số thể hiện mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã là:

A. độ đa dạng.
B. độ thường gặp.
C. độ nhiều.
D. độ tập trung.

Câu 10: Trong chuỗi thức ăn sau:
Cây cỏ —> Bọ rùa —> Ếch —Rắn —> Vi sinh vật. Thì rắn là:

A. sinh vật tiêu thụ cấp 3.
B. sinh vật tiêu thụ cấp 2.
C. sinh vật tiêu thụ cấp 1.
D. sinh vật sản xuất.

Câu 11: Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thuỷ là:

A. chăn nuôi, công nghiệp.
B. chăn nuôi, trồng trọt.
C. săn bắt thú, hái lượm cây rừng.
D. sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

Câu 12: Thế nào là ô nhiễm môi trường?

A. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn. Các tính chất vật lí, hoá học ,sinh học thay đổi.

B. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn. Các tính chất vật lí, hoá học , sinh học bị thay đổi gây tác hại cho con người và các sinh vật khác.

C. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn .

D. Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn. Các tính chất vật lí thay đổi.

Câu 13: Lưới thức ăn là:

A. gồm các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung.

B. gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau.

C. gồm ít nhất là 1 chuỗi thức ăn trở lên.

D. gồm một chuỗi thức ăn.

Câu 14: Sinh vật nào là mắt xích đầu tiên trong chuỗi thức ăn hoàn chỉnh?

A. Sinh vật phân giải **B.** Thực vật

C. Động vật ăn thực vật **D.** Động vật ăn thịt

Câu 15: Ở xã hội nông nghiệp do con người hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã:

A. chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác, chăn thả gia súc.

B. chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác.

C. đốt rừng lấy đất trồng trọt.

D. chặt phá rừng lấy đất chăn thả gia súc.

Câu 16: Chỉ số nào thể hiện mật độ cá thể của từng loài trong quần xã?

A. Độ thường gặp. **B.** Độ đa dạng. **C.** Độ tập trung. **D.** Độ nhiều

Câu 17: Nguyên nhân gây cháy nhiều khu rừng thời nguyên thuỷ là do:

A. con người đốt lửa dồn thú dữ vào các hố sâu để bắt.

B. con người dùng lửa sưởi ấm .

C. con người dùng lửa để nấu nướng thức ăn .

D. con người dùng lửa để lấy ánh sáng

Câu 18: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:

A. Chúng tạo ra nơi ở cho các sinh vật khác.

B. Chúng cung cấp nước uống cho sinh vật khác.

C. chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.

D. Chúng cung cấp dinh dưỡng cho sinh vật khác.

Câu 19: Thành phần vô sinh của hệ sinh thái bao gồm những yếu tố nào sau đây:

A. các nhân tố khí hậu như: nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, thực vật.

B. các chất mùn, bã, các loại rêu, địa y.

C. nước, khí cacbonic, khí oxi, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm.

D. các chất vô cơ: nước, khí cacbonic, khí oxi, các loại virus, vi khuẩn, cây cối…

Câu 20: Đặc điểm chỉ có ở quần xã sinh vật mà không có ở quần thể sinh vật?

A. Tập hợp cả thể của nhiều loài sinh vật

B. Cùng phân bố trong không gian nhất định.

C. Có khả năng sinh sản và giao phối.

D. Có số cá thể cùng loài.

Câu 21: Hiện tượng khống chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể nào sau đây:

A. quần thể cá chép và quần thể cá rô.

B. quần thể chim sẻ và quần thể chim chào mào.

C. quần thể ếch đồng và quần thể chim sẻ.

D. quần thể gà và quần thể châu chấu.

Câu 22: Năm sinh vật là: Trăn, cỏ, châu chấu, gà rừng và vi khuẩn có thể có quan hệ dinh dưỡng theo sơ đồ nào dưới đây?

A. Cỏ —> châu chấu —> vi khuẩn —> gà rừng —> trăn.
B. Cỏ —> châu chấu —> trăn —> gà rừng —> vi khuẩn.
C. Cỏ —> trăn —> châu chấu —> vi khuẩn —> gà rừng.
D. Cỏ —> châu chấu —> gà rừng —> trăn —> vi khuẩn.

Câu 23: Một hệ sinh thái hoàn chỉnh bao gồm những thành phần chủ yếu nào sau đây:

A. thành phần vô sinh, thành phần hữu cơ, thành phần vô cơ.
B. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.
C. thành phần động vật, thành phần thực vật, thành phần vi sinh vật.
D. thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.

Câu 24: Số lượng cá thể trong quần xã luôn được khống chế ở mức độ nhất định phù hợp với khả năng của môi trường. Hiện tượng này gọi là:

A. sự phát triển của quần xã.
B. sự bất biến của quần xã.
C. sự giảm sút của quần xã.
D. sự cân bằng sinh học trong quần xã.

Câu 25: Trong một quần xã sinh vật, loài ưu thế là:

A. loài đóng vai trò quan trọng (số lượng lớn).
B. loài có số lượng cá thể cái đông nhất.
C. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.
D. loài có tỉ lệ đực/ cái ổn định nhất.

Câu 26: Trong mối quan hệ giữa các thành phần trong quần xã, thì quan hệ đóng vai trò quan trọng nhất là:

A. quan hệ hỗ trợ.
B. quan hệ dinh dưỡng.
C. quan hệ về nơi ở.
D. quan hệ đối địch.

Câu 27: Tác động lớn nhất của con người tới môi trường tự nhiên là:

A. gây ô nhiễm môi trường.
B. cải tạo tự nhiên làm mất cân bằng sinh thái.
C. làm giảm lượng nước gây khô hạn.
D. phá huỷ thảm thực vật, gây ra nhiều hậu quả xấu.

Câu 28: Xét chuỗi thức ăn: Cỏ - chuột – rắn hổ mang – đại bàng – Vi sinh vật. Trong đó, sinh vật tiêu thụ là:

A. cỏ, đại bàng.
B. chuột, rắn hổ mang, đại bàng.
C. cỏ, chuột, rắn hổ mang, đại bàng.
D. đại bàng.

Câu 29: Mô hình V A C (vườn - ao - chuồng) là một hệ sinh thái vì có:

A. Đầy đủ các loại sinh vật.
B. Chu trình tuần hoàn vật chất.
C. Kích thước quần xã lớn và có chu trình tuần hoàn vật chất.
D. Thành phần loài phong phú.

Câu 30: Vai trò quan trọng nhất của ánh sáng đối với động vật là:

A. Kiếm mồi.
B. Nhận biết các vật.
C. Sinh sản
D. Định hướng di chuyển trong không gian.

Câu 31: Ở quần thể người, quy định nhóm tuổi trước sinh sản là:

A. Từ 15 đến dưới 20 tuổi
B. Từ sơ sinh đến dưới 15 tuổi
C. Từ sơ sinh đến dưới 25 tuổi
D. Từ sơ sinh đến dưới 20 tuổi

Câu 32: Nếu một nước có số trẻ em dưới 15 tuổi chiếm trên 30% dân số, số lượng người già chiếm dưới 10%, tuổi thọ trung bình thấp thì được xếp vào loại nước có:

A. Tháp dân số tương đối ổn định
B. Tháp dân số giảm sút
C. Tháp dân số ổn định
D. Tháp dân số phát triển

Câu 33: Ví dụ nào sau đây *không* phải là quần thể sinh vật?

A. Các cá thể chim cánh cụt sống ở bờ biển Nam cực.

B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.

C. Các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.

D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng Đông bắcViệt Nam.

Câu 34: Mật độ của quần thể động vật tăng khi nào?

A. Khi điều kiện sống thay đổi đột ngột như lụt lội, cháy rừng, dịch bệnh, ...

B. Khi khu vực sống của quần thể mở rộng.

C. Khi có sự tách đàn của một số cá thể trong quần thể.

D. Khi nguồn thức ăn trong quần thể dồi dào.

Câu 35: Tỉ lệ giới tính trong quần thể thay đổi chủ yếu theo:

A. Lứa tuổi của cá thể và sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái.

B. Nguồn thức ăn của quần thể.

C. Khu vực sinh sống.

D. Cường độ chiếu sáng.

Câu 36: Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thuỷ là:

A. Hái quả, săn bắt thú.

B. Bắt cá, hái quả.

C. Săn bắt thú, hái lượm cây rừng.

D. Săn bắt động vật và hái lượm cây rừng.

Câu 37: Ở xã hội công nghiệp xuất hiện nhiều vùng trồng trọt lớn là do:

A. Nền nông nghiệp cơ giới hoá.

B. Công nghiệp khai khoáng phát triển.

C. Chế tạo ra máy hơi nước.

D. Nền hoá chất phát triển.

Câu 38: Ở xã hội nông nghiệp, hoạt động nông nghiệp đem lại lợi ích là:

A. Hình thành các hệ sinh thái trồng trọt.

B. Tích luỹ thêm nhiều giống vật nuôi.

C. Tích luỹ thêm nhiều giống cây trồng, vật nuôi.

D. Tích luỹ thêm nhiều giống cây trồng, vật nuôi và hình thành các hệ sinh thái trồng trọt.

Câu 39: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật hằng nhiệt?

A. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.

B. Bồ câu, cá rô phi, cá chép, chó sói.

C. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.

D. Bồ câu, chó sói, thỏ, dơi.

Câu 40: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật biến nhiệt?

A. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.

B. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.

C. Bồ câu, mèo, thỏ, dơi.

D. Bồ câu, cá rô phi, cá chép, mèo.

Chúc các em làm bài tốt!

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Mã đề thi: 941
(Đề thi có 4 trang)

KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 - 2023
Môn: HÓA 9
Tiết theo KHDH: 66. Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (10 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1: Hòa tan hoàn toàn 6,5 gam Zn vào dung dịch CH_3COOH. Thể tích khí H_2 thoát ra (dktc) là:

A. 0,56 lít. B. 2,24 lít. C. 1,12 lít. D. 3,36 lít.

Câu 2: Dẫn 1,3 gam khí axetilen qua bình đựng dung dịch brom dư. Khối lượng sản phẩm thu được sau phản ứng là:

A. 34,6 gam. B. 17,3 gam. C. 8,65 gam. D. 4,325 gam.

Câu 3: Rượu etylic tác dụng được với dãy hóa chất là :

A. Na; K; CH_3COOH; O_2.
B. KOH; Na; CH_3COOH; O_2.
C. C_2H_4; Na; CH_3COOH; O_2.
D. $Ca(OH)_2$; K; CH_3COOH; O_2.

Câu 4: Crăckinh dầu mỏ để nhằm mục đích chính là:

A. tăng lượng khí dầu mỏ.
B. tăng lượng xăng.
C. tăng lượng dầu thô.
D. tăng lượng dầu hỏa.

Câu 5: Cấu tạo phân tử axetilen gồm

A. một liên kết ba và một liên kết đôi.
B. hai liên kết đôi và một liên kết ba.
C. hai liên kết đơn và một liên kết đôi.
D. hai liên kết đơn và một liên kết ba.

Câu 6: Trong 100 ml rượu 45^0 có chứa:

A. 45 ml nước.
B. 45 ml rượu nguyên chất.
C. 45 gam rượu nguyên chất.
D. 45 gam nước.

Câu 7: Giấm ăn được dùng làm gia vị là dung dịch chứa chất tan nào sau đây?

A. CH_3COOH B. CH_3COONa C. C_2H_5OH D. $CH_3COOC_2H_5$

Câu 8: Dãy các chất nào sau đây đều là dẫn xuất của hidrocacbon?

A. C_2H_6O, CH_4, C_2H_2.
B. C_2H_6O, C_3H_8, C_2H_2.
C. C_2H_6O, C_3H_7Cl, C_2H_5Cl.
D. C_2H_4, C_3H_7Cl, CH_4.

Câu 9: Để dập tắt đám cháy nhỏ do xăng, dầu người ta dùng biện pháp:

A. thổi oxi vào ngọn lửa.
B. phun dung dịch muối ăn vào ngọn lửa.
C. phủ cát vào ngọn lửa.
D. phun nước vào ngọn lửa.

Câu 10: Dãy các chất nào sau đây đều làm mất màu dung dịch brom?

A. CH_4 ; C_2H_6. B. C_2H_4 ; C_2H_6. C. CH_4 ; C_2H_4. D. C_2H_4 ; C_2H_2.

Câu 11: Phương trình phản ứng sản xuất axit axetic trong công nghiệp là:

$$C_4H_{10} + O_2 \xrightarrow{\text{Xúc tác, } t^0} CH_3COOH + H_2O$$

Tổng hệ số trong phương trình phản ứng trên là:

A. 12. B. 11. C. 13. D. 14.

Câu 12: Phản ứng biểu diễn đúng giữa metan và clo là:

A. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_3Cl + HCl$.
B. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_2Cl_2 + H_2$.
C. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_2 + 2HCl$.
D. $2CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} 2CH_3Cl + H_2$.

Câu 13: Một hidrocacbon ở thể khí thường được dùng làm nhiên liệu để hàn cắt kim loại, đó là

A. metan. B. etilen. C. etan. D. axetilen.

Câu 14: Đốt cháy hoàn toàn 1 mol khí axetilen thì cần bao nhiêu lít không khí (các khí đo ở đktc, biết rằng oxi chiếm 20% thể tích không khí) ?

A. 280 lít. B. 120 lít. C. 300 lít. D. 240 lít.

Câu 15: Công thức cấu tạo của một hợp chất cho biết:

A. thành phần phân tử.
B. trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.
C. thành phần phân tử và sự tham gia liên kết với các hợp chất khác.
D. thành phần phân tử và trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

Câu 16: Thành phần chính trong bình khí biogas là:

A. C_2H_4O. B. C_2H_2. C. CH_4. D. C_2H_4.

Câu 17: Axit axetic không tác dụng với kim loại nào?

A. Ca B. Na C. Cu D. Mg

Câu 18: Chất tác dụng với natri cacbonat tạo ra khí cacbonic là:

A. rượu etylic. B. rượu etylic và axit axetic
C. axit axetic. D. nước.

Câu 19: Trong các loại than dưới đây, loại than già nhất có hàm lượng cacbon trên 90% là:

A. than mỡ. B. than gầy. C. than non. D. than bùn.

Câu 20: Để tinh chế khí metan có lẫn etilen và axetilen, ta dùng:

A. dung dịch nước brom dư. B. dung dịch NaOH dư.
C. dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư. D. dung dịch nước vôi trong dư.

Câu 21: Khí etilen có phản ứng đặc trưng là:

A. phản ứng cháy. B. phản ứng thế.
C. phản ứng cộng. D. phản ứng phân hủy.

Câu 22: Các trái cây, trong quá trình chín sẽ thoát ra một lượng nhỏ chất khí là:

A. etilen. B. axetilen. C. metan. D. etan.

Câu 23: Trong điều kiện nhiệt độ áp suất không đổi thì axetilen phản ứng với oxi theo tỉ lệ thể tích là

A. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 4 lít khí O_2.
B. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 1 lít khí O_2.
C. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 5 lít khí O_2.
D. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 2 lít khí O_2.

Câu 24: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học được sắp xếp theo nguyên tắc nào sau đây?

A. Theo chiều số notron tăng dần.
B. Theo kích thước nguyên tử tăng dần.
C. Theo chiều điện tích hạt nhân tăng dần.
D. Theo khối lượng nguyên tử tăng dần.

Câu 25: Nguyên tố M có số hiệu nguyên tử là 19, chu kỳ 4, nhóm I trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Phát biểu nào sau đây đúng ?

A. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 4 electron, kim loại yếu.
B. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron, kim loại mạnh.
C. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron, kim loại yếu.
D. Điện tích hạt nhân 19+, 1 lớp electron, lớp ngoài cùng có 4 electron, kim loại mạnh.

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Mã đề thi: 942
(Đề thi có 4 trang)

KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 - 2023
Môn: HÓA 9
Tiết theo KHDH: 66. Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (10 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1: Nguyên tố M có số hiệu nguyên tử là 19, chu kỳ 4, nhóm I trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Phát biểu nào sau đây đúng ?

A. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 4 electron, kim loại yếu.
B. Điện tích hạt nhân 19+, 1 lớp electron, lớp ngoài cùng có 4 electron, kim loại mạnh.
C. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron, kim loại mạnh.
D. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron, kim loại yếu.

Câu 2: Công thức cấu tạo của một hợp chất cho biết:

A. thành phần phân tử và sự tham gia liên kết với các hợp chất khác.
B. thành phần phân tử.
C. thành phần phân tử và trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.
D. trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

Câu 3: Rượu etylic tác dụng được với dãy hóa chất là :

A. C_2H_4; Na; CH_3COOH; O_2.
B. KOH; Na; CH_3COOH; O_2.
C. Na; K; CH_3COOH; O_2.
D. $Ca(OH)_2$; K; CH_3COOH; O_2.

Câu 4: Chất tác dụng với natri cacbonat tạo ra khí cacbonic là:

A. axit axetic.
B. rượu etylic.
C. nước.
D. rượu etylic và axit axetic

Câu 5: Để tinh chế khí metan có lẫn etilen và axetilen, ta dùng:

A. dung dịch nước brom dư.
B. dung dịch nước vôi trong dư.
C. dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư.
D. dung dịch NaOH dư.

Câu 6: Giấm ăn được dùng làm gia vị là dung dịch chứa chất tan nào sau đây?

A. CH_3COOH B. CH_3COONa C. C_2H_5OH D. $CH_3COOC_2H_5$

Câu 7: Dẫn 1,3 gam khí axetilen qua bình đựng dung dịch brom dư. Khối lượng sản phẩm thu được sau phản ứng là:

A. 17,3 gam. B. 34,6 gam. C. 8,65 gam. D. 4,325 gam.

Câu 8: Để dập tắt đám cháy nhỏ do xăng, dầu người ta dùng biện pháp:

A. thổi oxi vào ngọn lửa.
B. phun dung dịch muối ăn vào ngọn lửa.
C. phủ cát vào ngọn lửa.
D. phun nước vào ngọn lửa.

Câu 9: Công thức cấu tạo của rượu etylic là:

A. $CH_3 - O - CH_3$.
B. $CH_3 - CH_2 - OH$.
C. $CH_2 - CH_3 - OH$
D. $CH_2 - CH_2 - CH_2$.

Câu 10: Cho các chất sau : Zn, Cu, CuO, NaCl, C_2H_5OH, $Ca(OH)_2$. Số chất tác dụng được với dung dịch axit axetic:

A. 3. B. 5. C. 6. D. 4.

Câu 11: Trong các loại than dưới đây, loại than trẻ nhất có hàm lượng cacbon thấp nhất là:

A. than gầy. B. than mỡ. C. than non. D. than bùn.

Câu 12: Một hiđrocacbon ở thể khí thường được dùng làm nhiên liệu để hàn cắt kim loại, đó là

A. metan. B. etilen. C. etan. D. axetilen.

Câu 13: Đốt cháy hoàn toàn 1 mol khí axetilen thì cần bao nhiêu lít không khí (các khí đo ở đktc, biết rằng oxi chiếm 20% thể tích không khí) ?

A. 280 lít. B. 120 lít. C. 300 lít. D. 240 lít.

Câu 14: Trong 100 ml rượu 45^0 có chứa:

A. 45 ml nước. B. 45 ml rượu nguyên chất.
C. 45 gam rượu nguyên chất. D. 45 gam nước.

Câu 15: Axit axetic không tác dụng với kim loại nào?

A. Mg B. Cu C. Na D. Ca

Câu 16: Cho sơ đồ :

$CH_2 = CH_2 \xrightarrow{+H_2O,\ xt} X \xrightarrow[\text{Men giấm}]{+O_2} Y \xrightarrow[H_2SO_4 đ]{+} Z$

X, Y, Z là các hợp chất hữu cơ. CTHH của Z là:

A. $CH_3COOC_2H_5$ B. CH_3COOH C. CH_3COONa D. CH_3CH_2OH

Câu 17: Chu kì gồm các nguyên tố có đặc điểm:

A. có cùng số electron ở lớp ngoài cùng. B. có cùng số lớp electron.
C. có cùng khối lượng. D. có cùng số proton trong hạt nhân.

Câu 18: Trong các loại than dưới dây, loại than già nhất có hàm lượng cacbon trên 90% là:

A. than mỡ.
B. than gầy.
C. than non.
D. than bùn.

Câu 19: Cấu tạo phân tử axetilen gồm

A. một liên kết ba và một liên kết đôi. B. hai liên kết đơn và một liên kết đôi.
C. hai liên kết đôi và một liên kết ba. D. hai liên kết đơn và một liên kết ba.

Câu 20: Tính chất vật lí cơ bản của metan là:

A. chất lỏng, không màu, tan nhiều trong nước.
B. chất khí, không màu, không mùi, nặng hơn không khí, ít tan trong nước.
C. chất khí, không màu, tan nhiều trong nước.
D. chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí, ít tan trong nước.

Câu 21: Trong điều kiện nhiệt độ áp suất không đổi thì axetilen phản ứng với oxi theo tỉ lệ thể tích là

A. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 5 lít khí O_2.
B. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 2 lít khí O_2.
C. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 4 lít khí O_2.
D. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 1 lít khí O_2.

Câu 22: Phản ứng biểu diễn đúng giữa metan và clo là:

A. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_2 + 2HCl$. B. $2CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} 2CH_3Cl + H_2$.
C. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_2Cl_2 + H_2$. D. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_3Cl + HCl$.

Câu 23: Dãy các chất nào sau đây đều làm mất màu dung dịch brom?

A. C_2H_4 ; C_2H_2. B. CH_4 ; C_2H_4. C. CH_4 ; C_2H_6. D. C_2H_4 ; C_2H_6.

Câu 26: Biết X có cấu tạo nguyên tử như sau: điện tích hạt nhân là 12+, có 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 2 electron. Vị trí của X trong bảng tuần hoàn là:

A. ô số 2, chu kỳ 3, nhóm III. B. ô số 3, chu kỳ 2, nhóm II.
C. ô số 12, chu kỳ 2, nhóm III. D. ô số 12, chu kỳ 3, nhóm II.

Câu 27: Cho sơ đồ :

$CH_2 = CH_2 \xrightarrow{+H_2O,\ axit} X \xrightarrow[\text{Men giấm}]{+O_2} Y \xrightarrow[H_2SO_4đ]{+Y} Z$

X, Y, Z là các hợp chất hữu cơ. CTHH của Z là:

A. CH_3COOH B. $CH_3COOC_2H_5$ C. CH_3COONa D. CH_3CH_2OH

Câu 28: Chu kì gồm các nguyên tố có đặc điểm:

A. có cùng số electron ở lớp ngoài cùng. B. có cùng số lớp electron.
C. có cùng khối lượng. D. có cùng số proton trong hạt nhân.

Câu 29: Người ta đang nghiên cứu để sử dụng nguồn nhiên liệu khi cháy không gây ô nhiễm môi trường là:

A. CH_4. B. H_2. C. C_4H_{10}. D. CO.

Câu 30: Trong các loại than dưới đây, loại than trẻ nhất có hàm lượng cacbon thấp nhất là:

A. than gầy. B. than mỡ. C. than non. D. than bùn.

Câu 31: Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ ?

A. C_2H_6, C_2H_2, CO. B. CH_4, C_2H_6, CO_2.
C. C_2H_6, C_2H_4, CH_3COOH. D. C_2H_2, C_2H_6O, $BaCO_3$.

Câu 32: Nhiệt độ sôi của rượu etylic là:

A. $78,3^0C$. B. $87,3^0C$. C. $73,8^0C$. D. $83,7^0C$.

Câu 33: Thành phần phần trăm về khối lượng của các nguyên tố C, H, O trong C_2H_6O lần lượt là:

A. 13%; 34,8%; 52,2%. B. 52,2%; 34,8%; 13%.
C. 34,8%; 13%; 52,2% D. 52,2%; 13%; 34,8%.

Câu 34: Công thức cấu tạo của rượu etylic là:

A. $CH_2 - CH_3 - OH$ B. $CH_3 - O - CH_3$.
C. $CH_2 - CH_2 - CH_2$. D. $CH_3 - CH_2 - OH$.

Câu 35: Cho các chất sau : Zn, Cu, CuO, NaCl, C_2H_5OH, $Ca(OH)_2$. Số chất tác dụng được với dung dịch axit axetic:

A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.

Câu 36: Dãy các chất nào sau đây đều là hidrocacbon?

A. CH_4, C_2H_2, C_3H_7Cl. B. C_2H_4, CH_4, C_2H_5Cl.
C. C_2H_6O, C_3H_8, C_2H_2. D. C_2H_6, C_4H_{10}, C_2H_4.

Câu 37: Este là sản phẩm tạo thành của phản ứng este hóa giữa:

A. Axit và bazơ B. Axit và oxit bazơ
C. Axit hữu cơ và rượu D. Axit hữu cơ và kim loại

Câu 38: Tính chất vật lí cơ bản của metan là:

A. chất lỏng, không màu, tan nhiều trong nước.
B. chất khí, không màu, không mùi, nặng hơn không khí, ít tan trong nước.
C. chất khí, không màu, tan nhiều trong nước.
D. chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí, ít tan trong nước.

Câu 39: Nguyên tử cacbon có thể liên kết trực tiếp với nhau tạo thành các dạng mạch cacbon là:

A. mạch vòng, mạch thẳng, mạch nhánh.
B. mạch nhánh.
C. mạch thẳng, mạch nhánh.
D. mạch vòng.

Câu 40: Khí X có tỉ khối đối với oxi là 0,8125. Khí X là

A. C_2H_2.
B. C_2H_4.
C. C_2H_6.
D. CH_4.

(H = 1; C = 12; O = 16; Br = 80; Cl = 35,5; Na = 23; Ca = 40; Zn = 65)

---------- HẾT ----------

Câu 26: Biết X có cấu tạo nguyên tử như sau: điện tích hạt nhân là 12+, có 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 2 electron. Vị trí của X trong bảng tuần hoàn là:

A. ô số 2, chu kỳ 3, nhóm III.
B. ô số 3, chu kỳ 2, nhóm II.
C. ô số 12, chu kỳ 2, nhóm III.
D. ô số 12, chu kỳ 3, nhóm II.

Câu 27: Cho sơ đồ :

$CH_2 = CH_2 \xrightarrow{+H_2O,\ xt} X \xrightarrow[\text{Men giấm}]{+O_2} Y \xrightarrow[H_2SO_4 d]{+Y} Z$

X, Y, Z là các hợp chất hữu cơ. CTHH của Z là:

A. CH_3COOH B. $CH_3COOC_2H_5$ C. CH_3COONa D. CH_3CH_2OH

Câu 28: Chu kì gồm các nguyên tố có đặc điểm:

A. có cùng số electron ở lớp ngoài cùng.
B. có cùng số lớp electron.
C. có cùng khối lượng.
D. có cùng số proton trong hạt nhân.

Câu 29: Người ta đang nghiên cứu để sử dụng nguồn nhiên liệu khi cháy không gây ô nhiễm môi trường là:

A. CH_4. B. H_2. C. C_4H_{10}. D. CO.

Câu 30: Trong các loại than dưới đây, loại than trẻ nhất có hàm lượng cacbon thấp nhất là:

A. than gầy. B. than mỡ. C. than non. D. than bùn.

Câu 31: Dãy các hợp chất nào sau dây là hợp chất hữu cơ ?

A. C_2H_6, C_2H_2, CO.
B. CH_4, C_2H_6, CO_2.
C. C_2H_6, C_2H_4, CH_3COOH.
D. C_2H_2, C_2H_6O, $BaCO_3$.

Câu 32: Nhiệt độ sôi của rượu etylic là:

A. $78,3^0C$. B. $87,3^0C$. C. $73,8^0C$. D. $83,7^0C$.

Câu 33: Thành phần phần trăm về khối lượng của các nguyên tố C, H, O trong C_2H_6O lần lượt là:

A. 13%; 34,8%; 52,2%.
B. 52,2%; 34,8%; 13%.
C. 34,8%; 13%; 52,2%
D. 52,2%; 13%; 34,8%.

Câu 34: Công thức cấu tạo của rượu etylic là:

A. $CH_2 - CH_3 - OH$
B. $CH_3 - O - CH_3$.
C. $CH_2 - CH_2 - CH_2$.
D. $CH_3 - CH_2 - OH$.

Câu 35: Cho các chất sau : Zn, Cu, CuO, NaCl, C_2H_5OH, $Ca(OH)_2$. Số chất tác dụng được với dung dịch axit axetic:

A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.

Câu 36: Dãy các chất nào sau dây đều là hidrocacbon?

A. CH_4, C_2H_2, C_3H_7Cl.
B. C_2H_4, CH_4, C_2H_5Cl.
C. C_2H_6O, C_3H_8, C_2H_2.
D. C_2H_6, C_4H_{10}, C_2H_4.

Câu 37: Este là sản phẩm tạo thành của phản ứng este hóa giữa:

A. Axit và bazơ
B. Axit và oxit bazơ
C. Axit hữu cơ và rượu
D. Axit hữu cơ và kim loại

Câu 38: Tính chất vật lí cơ bản của metan là:

A. chất lỏng, không màu, tan nhiều trong nước.
B. chất khí, không màu, không mùi, nặng hơn không khí, ít tan trong nước.
C. chất khí, không màu, tan nhiều trong nước.
D. chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí, ít tan trong nước.

Câu 39: Nguyên tử cacbon có thể liên kết trực tiếp với nhau tạo thành các dạng mạch cacbon là:

A. mạch vòng, mạch thẳng, mạch nhánh. B. mạch nhánh.
C. mạch thẳng, mạch nhánh. D. mạch vòng.

Câu 40: Khí X có tỉ khối đối với oxi là 0,8125. Khí X là

A. C_2H_2. B. C_2H_4. C. C_2H_6. D. CH_4.

(H = 1; C = 12; O = 16; Br = 80; Cl = 35,5; Na = 23; Ca = 40; Zn = 65)

---------- HẾT ----------

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Mã đề thi: 942
(Đề thi có 4 trang)

KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 - 2023
Môn: HÓA 9
Tiết theo KHDH: 66. Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (10 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1: Nguyên tố M có số hiệu nguyên tử là 19, chu kỳ 4, nhóm I trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Phát biểu nào sau đây đúng ?

A. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 4 electron, kim loại yếu.
B. Điện tích hạt nhân 19+, 1 lớp electron, lớp ngoài cùng có 4 electron, kim loại mạnh.
C. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron, kim loại mạnh.
D. Điện tích hạt nhân 19+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron, kim loại yếu.

Câu 2: Công thức cấu tạo của một hợp chất cho biết:

A. thành phần phân tử và sự tham gia liên kết với các hợp chất khác.
B. thành phần phân tử.
C. thành phần phân tử và trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.
D. trật tự liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử.

Câu 3: Rượu etylic tác dụng được với dãy hóa chất là :

A. C_2H_4; Na; CH_3COOH; O_2.
B. KOH; Na; CH_3COOH; O_2.
C. Na; K; CH_3COOH; O_2.
D. $Ca(OH)_2$; K; CH_3COOH; O_2.

Câu 4: Chất tác dụng với natri cacbonat tạo ra khí cacbonic là:

A. axit axetic.
B. rượu etylic.
C. nước.
D. rượu etylic và axit axetic

Câu 5: Để tinh chế khí metan có lẫn etilen và axetilen, ta dùng:

A. dung dịch nước brom dư.
B. dung dịch nước vôi trong dư.
C. dung dịch $AgNO_3/NH_3$ dư.
D. dung dịch NaOH dư.

Câu 6: Giấm ăn được dùng làm gia vị là dung dịch chứa chất tan nào sau đây?

A. CH_3COOH B. CH_3COONa C. C_2H_5OH D. $CH_3COOC_2H_5$

Câu 7: Dẫn 1,3 gam khí axetilen qua bình đựng dung dịch brom dư. Khối lượng sản phẩm thu được sau phản ứng là:

A. 17,3 gam. B. 34,6 gam. C. 8,65 gam. D. 4,325 gam.

Câu 8: Để dập tắt đám cháy nhỏ do xăng, dầu người ta dùng biện pháp:

A. thổi oxi vào ngọn lửa.
B. phun dung dịch muối ăn vào ngọn lửa.
C. phủ cát vào ngọn lửa.
D. phun nước vào ngọn lửa.

Câu 9: Công thức cấu tạo của rượu etylic là:

A. $CH_3 - O - CH_3$.
B. $CH_3 - CH_2 - OH$.
C. $CH_2 - CH_3 - OH$
D. $CH_2 - CH_2 - CH_2$.

Câu 10: Cho các chất sau : Zn, Cu, CuO, NaCl, C_2H_5OH, $Ca(OH)_2$. Số chất tác dụng được với dung dịch axit axetic:

A. 3. B. 5. C. 6. D. 4.

Câu 11: Trong các loại than dưới đây, loại than trẻ nhất có hàm lượng cacbon thấp nhất là:

A. than gầy. B. than mỡ. C. than non. D. than bùn.

Câu 12: Một hidrocacbon ở thể khí thường được dùng làm nhiên liệu để hàn cắt kim loại, đó là

A. metan. B. etilen. C. etan. D. axetilen.

Câu 13: Đốt cháy hoàn toàn 1 mol khí axetilen thì cần bao nhiêu lít không khí (các khí đo ở đktc, biết rằng oxi chiếm 20% thể tích không khí) ?

A. 280 lít. B. 120 lít. C. 300 lít. D. 240 lít.

Câu 14: Trong 100 ml rượu 45^0 có chứa:

A. 45 ml nước. B. 45 ml rượu nguyên chất.
C. 45 gam rượu nguyên chất. D. 45 gam nước.

Câu 15: Axit axetic không tác dụng với kim loại nào?

A. Mg B. Cu C. Na D. Ca

Câu 16: Cho sơ đồ :

$CH_2 = CH_2 \xrightarrow{+H_2O,t^o,xt} X \xrightarrow[\text{Men giấm}]{+O_2} Y \xrightarrow[H_2SO_4d]{+Z} Z$

X, Y, Z là các hợp chất hữu cơ. CTHH của Z là:

A. $CH_3COOC_2H_5$ B. CH_3COOH C. CH_3COONa D. CH_3CH_2OH

Câu 17: Chu kì gồm các nguyên tố có đặc điểm:

A. có cùng số electron ở lớp ngoài cùng. B. có cùng số lớp electron.
C. có cùng khối lượng. D. có cùng số proton trong hạt nhân.

Câu 18: Trong các loại than dưới đây, loại than giá nhất có hàm lượng cacbon trên 90% là:

A. than mỡ.
B. than gầy.
C. than non.
D. than bùn.

Câu 19: Cấu tạo phân tử axetilen gồm

A. một liên kết ba và một liên kết đôi. B. hai liên kết đơn và một liên kết đôi.
C. hai liên kết đôi và một liên kết ba. D. hai liên kết đơn và một liên kết ba.

Câu 20: Tính chất vật lí cơ bản của metan là:

A. chất lỏng, không màu, tan nhiều trong nước.
B. chất khí, không màu, không mùi, nặng hơn không khí, ít tan trong nước.
C. chất khí, không màu, tan nhiều trong nước.
D. chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí, ít tan trong nước.

Câu 21: Trong điều kiện nhiệt độ áp suất không đổi thì axetilen phản ứng với oxi theo tỉ lệ thể tích là

A. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 5 lít khí O_2.
B. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 2 lít khí O_2.
C. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 4 lít khí O_2.
D. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 1 lít khí O_2.

Câu 22: Phản ứng biểu diễn đúng giữa metan và clo là:

A. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_2 + 2HCl$. B. $2CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} 2CH_3Cl + H_2$.
C. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_2Cl_2 + H_2$. D. $CH_4 + Cl_2 \xrightarrow{as} CH_3Cl + HCl$.

Câu 23: Dãy các chất nào sau đây đều làm mất màu dung dịch brom?

A. C_2H_4 ; C_2H_2. B. CH_4 ; C_2H_4. C. CH_4 ; C_2H_6. D. C_2H_4 ; C_2H_6.

Câu 24: Hòa tan hoàn toàn 6,5 gam Zn vào dung dịch CH_3COOH. Thể tích khí H_2 thoát ra (đktc) là:

A. 0,56 lít. B. 2,24 lít. C. 1,12 lít. D. 3,36 lít.

Câu 25: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học được sắp xếp theo nguyên tắc nào sau đây?

A. Theo chiều số nơtron tăng dần.
B. Theo kích thước nguyên tử tăng dần.
C. Theo chiều điện tích hạt nhân tăng dần.
D. Theo khối lượng nguyên tử tăng dần.

Câu 26: Các trái cây, trong quá trình chín sẽ thoát ra một lượng nhỏ chất khí là:

A. axetilen. B. etilen. C. etan. D. metan.

Câu 27: Crăckinh dầu mỏ để nhằm mục đích chính là:

A. tăng lượng khí dầu mỏ. B. tăng lượng xăng.
C. tăng lượng dầu hỏa. D. tăng lượng dầu thô.

Câu 28: Người ta đang nghiên cứu để sử dụng nguồn nhiên liệu khi cháy không gây ô nhiễm môi trường là:

A. CH_4. B. C_4H_{10}. C. H_2. D. CO.

Câu 29: Phương trình phản ứng sản xuất axit axetic trong công nghiệp là:

$$C_4H_{10} + O_2 \xrightarrow{Xúc\ tác,\ t^0} CH_3COOH + H_2O$$

Tổng hệ số trong phương trình phản ứng trên là:

A. 12. B. 14. C. 13. D. 11.

Câu 30: Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ ?

A. C_2H_6, C_2H_2, CO. B. CH_4, C_2H_6, CO_2.
C. C_2H_6, C_2H_4, CH_3COOH. D. C_2H_2, C_2H_6O, $BaCO_3$.

Câu 31: Nhiệt độ sôi của rượu etylic là:

A. $78,3^0C$. B. $73,8^0C$. C. $83,7^0C$. D. $87,3^0C$.

Câu 32: Thành phần phần trăm về khối lượng của các nguyên tố C, H, O trong C_2H_6O lần lượt là:

A. 13%; 34,8%; 52,2%. B. 52,2%; 34,8%; 13%.
C. 34,8%; 13%; 52,2% D. 52,2%; 13%; 34,8%.

Câu 33: Khí etilen có phản ứng đặc trưng là:

A. phản ứng thế. B. phản ứng cháy.
C. phản ứng cộng. D. phản ứng phân hủy.

Câu 34: Biết X có cấu tạo nguyên tử như sau: điện tích hạt nhân là 12+, có 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 2 electron. Vị trí của X trong bảng tuần hoàn là:

A. ô số 3, chu kỳ 2, nhóm II. B. ô số 12, chu kỳ 3, nhóm II.
C. ô số 2, chu kỳ 3, nhóm III. D. ô số 12, chu kỳ 2, nhóm III.

Câu 35: Dãy các chất nào sau đây đều là hidrocacbon?

A. CH_4, C_2H_2, C_3H_7Cl. B. C_2H_4, CH_4, C_2H_5Cl.
C. C_2H_6O, C_3H_8, C_2H_2. D. C_2H_6, C_4H_{10}, C_2H_4.

Câu 36: Khí X có tỉ khối đối với oxi là 0.8125. Khí X là

A. C_2H_2. B. C_2H_6. C. C_2H_4 D. CH_4.

Câu 37: Dãy các chất nào sau đây đều là dẫn xuất của hidrocacbon?

A. C_2H_4, C_3H_7Cl, CH_4.
B. C_2H_6O, CH_4, C_2H_2.
C. C_2H_6O, C_3H_8, C_2H_2.
D. C_2H_6O, C_3H_7Cl, C_2H_5Cl.

Câu 38: Este là sản phẩm tạo thành của phản ứng este hóa giữa:

A. Axit và bazơ
B. Axit và oxit bazơ
C. Axit hữu cơ và rượu
D. Axit hữu cơ và kim loại

Câu 39: Thành phần chính trong bình khí biogas là:

A. C_2H_4O.
B. CH_4.
C. C_2H_4.
D. C_2H_2.

Câu 40: Nguyên tử cacbon có thể liên kết trực tiếp với nhau tạo thành các dạng mạch cacbon là:

A. mạch nhánh.
B. mạch thẳng, mạch nhánh.
C. mạch vòng, mạch thẳng, mạch nhánh.
D. mạch vòng.

(H = 1; C = 12; O = 16; Br = 80; Cl = 35,5; Na = 23; Ca = 40; Zn = 65)

---------- HẾT ----------

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022-2023

Môn: **CÔNG NGHỆ 9**
Tiết theo KHDH: 35 – Thời gian làm bài: 45'

ĐỀ 901 (gồm 4 trang)

Câu 1. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần vạch dấu mấy vị trí?

A. 3 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 1

Câu 2. Bước 3 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Khoan lỗ
B. Lắp thiết bị điện của bảng điện
C. Nối dây bộ đèn
D. Vạch dấu

Câu 3. Phương pháp lắp đặt mạng điện kiểu nổi, dây dẫn đặt nổi ở vị trí dọc theo:

A. Trần nhà **B.** Cột **C.** Dầm xà **D.** Cả 3 đáp án trên

Câu 4. Có mấy kiểu lắp đặt mạng điện?

A. 2 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 4

Câu 5. Bước 4 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện
B. Vạch dấu
C. Khoan lỗ
D. Nối dây bộ đèn

Câu 6. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần vạch dấu vị trí nào?

A. Cả 3 đáp án trên
B. Vị trí lắp đặt thiết bị điện
C. Vị trí lắp đặt đèn
D. Đường đi dây

Câu 7. Hình ảnh nào sau đây là ống nối chữ T?

A. 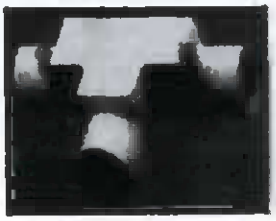
B. 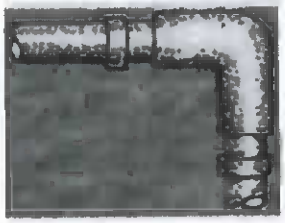
C.
D.

Câu 8. Bước 2 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Nối dây bộ đèn
B. Lắp thiết bị điện của bảng điện
C. Khoan lỗ
D. Vạch dấu

Câu 9. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện
B. Vạch dấu
C. Nối dây bộ đèn
D. Khoan lỗ

Câu 10. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần khoan lỗ vị trí nào?

A. Khoan lỗ luồn dây
B. Cả A và C đều đúng
C. Khoan lỗ bắt vít
D. Cả A và B đều sai

Câu 11. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần khoan lỗ mấy vị trí?

A. 1 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 2

Câu 12. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà cần thực hiện công việc nào đầu tiên?

A. Kiểm tra cách điện của mạng điện **B.** Kiểm tra các thiết bị điện

C. Kiểm tra dây dẫn điện **D.** Kiểm tra các đồ dùng điện

Câu 13. Bước 2 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Khoan lỗ **B.** Nối dây bộ đèn

C. Lắp thiết bị điện của bảng điện **D.** Vạch dấu

Câu 14. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước? A. 2 B. 4 C. 5 D. 8

Câu 15. Hình ảnh nào sau đây là ống nối nối tiếp?

A. 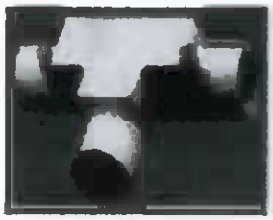 B. 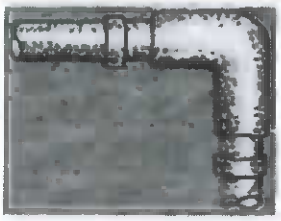 C. D.

Câu 16. Kiểm tra mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần thực hiện công việc nào?

A. Cả A và B đều sai

B. Cả C và D đều đúng

C. Nối mạch điện vào nguồn điện và cho vận hành thử.

D. Kiểm tra sản phẩm có đạt yêu cầu hay không.

Câu 17. Hình ảnh nào sau đây là kẹp đỡ ống?

A. 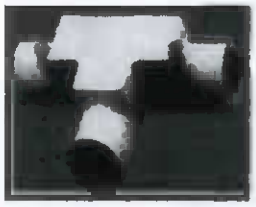 B. 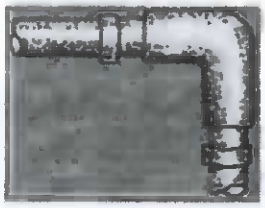 C. 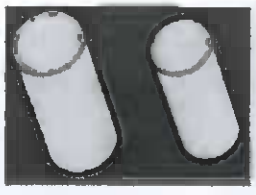 D.

Câu 18. Quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn gồm mấy bước?

A. 5 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 8

Câu 19. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần khoan lỗ mấy vị trí?

A. 2 **B.** 1 **C.** 4 **D.** 3

Câu 20. Bước 5 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Vạch dấu **B.** Kiểm tra

C. Khoan lỗ **D.** Lắp thiết bị điện của bảng điện

Câu 21. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà cần thực hiện công việc nào thứ hai?

A. Kiểm tra các đồ dùng điện **B.** Kiểm tra cách điện của mạng điện

C. Kiểm tra dây dẫn điện **D.** Kiểm tra các thiết bị điện

Câu 22. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần vạch dấu vị trí nào?

A. Vị trí lắp đặt đèn
B. Vị trí lắp đặt thiết bị điện
C. Cả 3 đáp án trên
D. Đường đi dây

Câu 23. . Ống nối chữ T:

A. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
B. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
C. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
D. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

Câu 24. Ống nối chữ L:

A. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
B. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
C. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
D. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

Câu 25. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

A. Lắp đặt mạng điện ngầm
B. Cả A và D đều đúng
C. Cả A và B đều sai
D. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi

Câu 26. Kiểm tra cách điện của mạng điện là thực hiện mấy nội dung công việc?

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 1

Câu 27. Hình ảnh nào sau đây là ống nối chữ L?

A.
B. 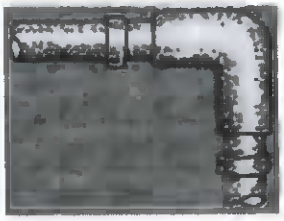
C.
D. 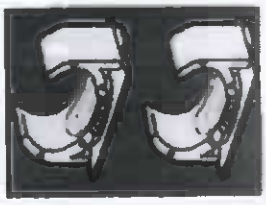

Câu 28. Kiểm tra mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn cần thực hiện công việc nào?

A. Kiểm tra sản phẩm có đạt yêu cầu hay không.
B. Nối mạch điện vào nguồn điện và cho vận hành thử.
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai

Câu 29. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần khoan lỗ vị trí nào?

A. Khoan lỗ bắt vít
B. Khoan lỗ luồn dây
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai

Câu 30. Phương pháp lắp mạng điện kiểu nổi hiện nay người ta đặt dây dẫn vào vật cách điện nào là thông dụng nhất?

A. Lồng **B.** Khuôn gỗ **C.** Puli sứ **D.** Cả 3 đáp án trên

Câu 31. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần vạch dấu mấy vị trí?

A. 3 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 4

Câu 32. Phương pháp lắp đặt mạng điện kiểu nổi, dây dẫn được lắp đặt nổi trên:

A. Puli sứ **B.** Khuôn gỗ **C.** Lồng **D.** Cả 3 đáp án trên

Câu 33. Bước 4 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện **B.** Vạch dấu

C. Khoan lỗ **D.** Nối dây bộ đèn

Câu 34. Bước 5 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện **B.** Kiểm tra

C. Vạch dấu **D.** Khoan lỗ

Câu 35. Kiểm tra mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần thực hiện mấy công việc?

A. 1 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 4

Câu 36. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà là thực hiện mấy công việc?

A. 3 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 1

Câu 37. Kiểm tra mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn cần thực hiện mấy công việc?

A. 3 **B.** 1 **C.** 4 **D.** 2

Câu 38. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Nối dây bộ đèn **B.** Vạch dấu

C. Khoan lỗ **D.** Lắp thiết bị điện của bảng điện

Câu 39. Bước 3 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Nối dây bộ đèn **B.** Vạch dấu

C. Khoan lỗ **D.** Lắp thiết bị điện của bảng điện

Câu 40. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

A. 3 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 4

------ HẾT ------

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022-2023

Môn: **CÔNG NGHỆ 9**
Tiết theo KHDH: 35 – Thời gian làm bài: 45'

ĐỀ 902 (gồm 4 trang)

Câu 1. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện
B. Khoan lỗ
C. Vạch dấu
D. Nối dây bộ đèn

Câu 2. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước? A. 2 B. 4 C. 5 D. 8

Câu 3. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần khoan lỗ vị trí nào?

A. Khoan lỗ bắt vít
B. Cả A và C đều đúng
C. Khoan lỗ luồn dây
D. Cả A và B đều sai

Câu 4. Phương pháp lắp đặt mạng điện kiểu nổi, dây dẫn được lắp đặt nổi trên:

A. Khuôn gỗ **B.** Cả 3 đáp án trên **C.** Puli sứ **D.** Lồng

Câu 5. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần vạch dấu mấy vị trí?

A. 3 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 4

Câu 6. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần khoan lỗ mấy vị trí?

A. 2 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 4

Câu 7. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cần vạch dấu vị trí nào?

A. Cả 3 đáp án trên
B. Đường đi dây
C. Vị trí lắp đặt thiết bị điện
D. Vị trí lắp đặt đèn

Câu 8. Ống nối chữ L:

A. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
D. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

Câu 9. Bước 3 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Nối dây bộ đèn
B. Vạch dấu
C. Khoan lỗ
D. Lắp thiết bị điện của bảng điện

Câu 10. Kiểm tra mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần thực hiện công việc nào?

A. Cả A và B đều sai
B. Nối mạch điện vào nguồn điện và cho vận hành thử.
C. Kiểm tra sản phẩm có đạt yêu cầu hay không.
D. Cả C và B đều đúng

Câu 11. Hình ảnh nào sau đây là ống nối chữ T?

A. 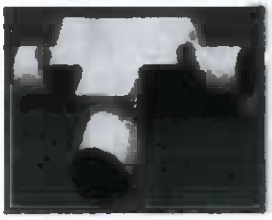 B. 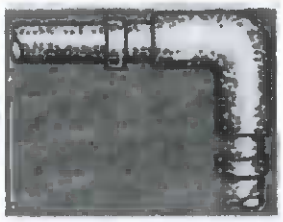 C. D.

Câu 12. Bước 4 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Khoan lỗ
B. Vạch dấu
C. Lắp thiết bị điện của bảng điện
D. Nối dây bộ đèn

Câu 13. Hình ảnh nào sau đây là ống nối chữ L?

A. 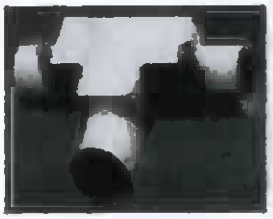 B. 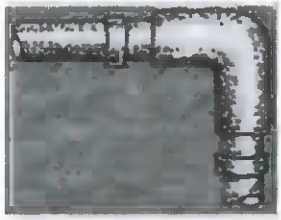 C. D.

Câu 14. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần vạch dấu vị trí nào?

A. Cả 3 đáp án trên
B. Vị trí lắp đặt đèn
C. Đường đi dây
D. Vị trí lắp đặt thiết bị điện

Câu 15. . Ống nối chữ T:

A. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
C. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
D. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

Câu 16. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà cần thực hiện công việc nào đầu tiên?

A. Kiểm tra cách điện của mạng điện
B. Kiểm tra các thiết bị điện
C. Kiểm tra các đồ dùng điện
D. Kiểm tra dây dẫn điện

Câu 17. Hình ảnh nào sau đây là ống nối nối tiếp?

A. B. 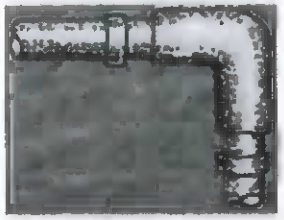 C. D.

Câu 18. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Nối dây bộ đèn
B. Lắp thiết bị điện của bảng điện
C. Khoan lỗ
D. Vạch dấu

Câu 19. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

A. 4 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 2

Câu 20. Kiểm tra mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn cần thực hiện công việc nào?

A. Cả A và B đều sai

B. Cả C và D đều đúng

C. Kiểm tra sản phẩm có đạt yêu cầu hay không.

D. Nối mạch điện vào nguồn điện và cho vận hành thử.

Câu 21. Bước 4 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Vạch dấu **B.** Lắp thiết bị điện của bảng điện

C. Nối dây bộ đèn **D.** Khoan lỗ

Câu 22. Bước 5 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện **B.** Kiểm tra

C. Vạch dấu **D.** Khoan lỗ

Câu 23. Có mấy kiểu lắp đặt mạng điện?

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 24. Phương pháp lắp đặt mạng điện kiểu nổi, dây dẫn đặt nổi ở vị trí dọc theo:

A. Cả 3 đáp án trên **B.** Cột **C.** Trần nhà **D.** Dầm xà

Câu 25. Khi vạch dấu trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần vạch dấu mấy vị trí?

A. 4 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 3

Câu 26. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần khoan lỗ vị trí nào?

A. Khoan lỗ bắt vít **B.** Cả A và B đều sai

C. Khoan lỗ luồn dây **D.** Cả A và C đều đúng

Câu 27. Bước 2 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Vạch dấu **B.** Lắp thiết bị điện của bảng điện

C. Khoan lỗ **D.** Nối dây bộ đèn

Câu 28. Bước 3 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện **B.** Khoan lỗ

C. Vạch dấu **D.** Nối dây bộ đèn

Câu 29. Kiểm tra mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần thực hiện mấy công việc?

A. 2 **B.** 1 **C.** 4 **D.** 3

Câu 30. Khi khoan lỗ trong quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn, cần khoan lỗ mấy vị trí?

A. 4 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 3

Câu 31. Hình ảnh nào sau đây là kẹp đỡ ống?

A. 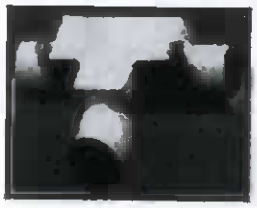

B. 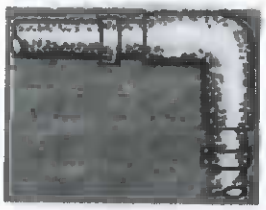

C.

D.

Câu 32. Kiểm tra cách điện của mạng điện là thực hiện mấy nội dung công việc?

A. 4 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 2

Câu 33. Bước 5 của quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn là:

A. Lắp thiết bị điện của bảng điện **B.** Kiểm tra

C. Khoan lỗ **D.** Vạch dấu

Câu 34. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

A. Cả A và B đều sai **B.** Cả C và D đều đúng

C. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi **D.** Lắp đặt mạng điện ngầm

Câu 35. Quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn gồm mấy bước?

A. 2 **B.** 4 **C.** 8 **D.** 5

Câu 36. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà cần thực hiện công việc nào thứ hai?

A. Kiểm tra cách điện của mạng điện **B.** Kiểm tra các thiết bị điện

C. Kiểm tra dây dẫn điện **D.** Kiểm tra các đồ dùng điện

Câu 37. Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà là thực hiện mấy công việc?

A. 3 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 2

Câu 38. Kiểm tra mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn cần thực hiện mấy công việc?

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 1

Câu 39. Phương pháp lắp mạng điện kiểu nổi hiện nay người ta đặt dây dẫn vào vật cách điện nào là thông dụng nhất?

A. Puli sứ **B.** Lồng **C.** Cả 3 đáp án trên **D.** Khuôn gỗ

Câu 40. Bước 2 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Nối dây bộ đèn **B.** Lắp thiết bị điện của bảng điện

C. Vạch dấu **D.** Khoan lỗ

------ HẾT ------

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Mã đề: 901
(Đề thi có 04 trang)

Môn: VẬT LÍ 9
Tiết theo KHDH: 62-Thời gian làm bài:45 phút

TRẮC NGHIỆM (10 điểm): Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Một máy biến thế dùng để hạ hiệu điện thế từ 500000V xuống còn 2500V. Hỏi cuộn dây thứ cấp có bao nhiêu vòng. Biết cuộn dây sơ cấp có 100000 vòng. Chọn kết quả đúng:
A. 20000 vòng B. 12500 vòng C. 500 vòng D. 2500vòng.

Câu 2. Các thiết bị nào sau dây không sử dụng dòng điện xoay chiều ?
A. Ấm đun nước
B. Bóng đèn dây tóc mắc vào điện nhà 220V
C. Máy thu thanh dùng pin.
D. Tủ lạnh.

Câu 3. Tia tới đến quang tâm của thấu kính hội tụ cho tia ló:
A. tiếp tục truyền thẳng.
B. đi qua tiêu điểm.
C. song song với thấu kính.
D. song song với trục chính.

Câu 4. Một vật sáng AB đặt vuông góc với trục chính và cách thấu kính hội tụ có tiêu cự f = 10cm một khoảng d = 20cm. Vật AB cao 5cm. Khoảng cách từ ảnh đến thấu kính và chiều cao của ảnh là:
A. 1,5cm và 25cm.
B. 15cm và 25cm.
C. 15cm và 2,5cm
D. 20cm và 5cm

Câu 5. Máy sấy tóc đang hoạt động. Đã có sự biến đổi:
A. Điện năng thành quang năng.
B. Điện năng thành cơ năng.
C. Điện năng thành nhiệt năng.
D. Điện năng thành cơ năng, nhiệt năng.

Câu 6. Trường hợp nào sau đây xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều trong cuộn dây dẫn kín ?
A. Cho nam châm quay trước cuộn dây dẫn kín.
B. Đưa nam châm từ trong ra ngoài cuộn dây dẫn kín.
C. Đưa nam châm lại gần cuộn dây kín.
D. Cuộn dây dẫn kín đặt trong từ trường của nam châm.

Câu 7. Một điểm sáng nằm ngay trên trục chính và ở rất xa thấu kính hội tụ thì cho ảnh:
A. Ảnh nằm trong khoảng tiêu cự
B. Tại tiêu điểm của thấu kính
C. Ảnh ở rất xa
D. Cho ảnh ảo

Câu 8. Một máy biến thế có số vòng dây ở cuộn sơ cấp là 1500 vòng . Cuộn thứ cấp là 4500 vòng . Hiệu điện thế lấy ra ở cuộn thứ cấp là 180 V. Hiệu điện thế đưa vào cuộn sơ cấp là :
A. 60 (V) B. 200 (V) C. 300 (V) D. 90 (V)

Câu 9. Khi truyền tải điện năng đi xa, điện năng hao phí đã chuyển hoá thành dạng năng lượng:
A. Năng lượng anh sáng
B. Nhiệt năng
C. Năng lượng từ trường
D. Hóa năng

Câu 10. Khi đặt vật trước thấu kính hội tụ ở khoảng cách d < f thì thấu kính cho ảnh có đặc điểm là:
A. Ảnh ảo ngược chiều với vật và lớn hơn vật
B. Ảnh ảo cùng chiều với vật và lớn hơn vật
C. Ảnh ảo cùng chiều với vật và nhỏ hơn vật
D. Ảnh ảo ngược chiều với vật và nhỏ hơn vật

Câu 11. Khi tia sáng truyền từ không khí vào nước, gọi i là góc tới và r là góc khúc xạ thì
A. r = i. B. r < i. C. 2r = i. D. r > i.

Câu 12. Nếu tăng hiệu điện thế ở hai đầu đường dây tải điện lên 100 lần thì công suất hao phí vì toả nhiệt trên đường dây dẫn sẽ:
A. tăng lên 200 lần
B. giảm đi 100 lần
C. tăng lên 100 lần
D. giảm đi 10 000 lần

Câu 13. Câu nào sau đây *không đúng* khi nói về thấu kính phân kì ?
A. Tia tới song song với trục chính thì tia ló đi qua tiêu điểm của thấu kính.
B. Tia tới đến quang tâm cho tia ló tiếp tục truyền thẳng theo phương của tia tới.
C. Thấu kính phân kì có phần rìa dày hơn phần giữa.
D. Tia tới song song với trục chính thì tia ló kéo dài đi qua tiêu điểm của thấu kính.
Câu 14. Khi đặt vật trước thấu kính phân kỳ thì ảnh của nó tạo bởi thấu kính có đặc điểm là:
A. Ảnh ảo ngược chiều với vật và nhỏ hơn vật
B. Ảnh thật cùng chiều với vật và nhỏ hơn vật
C. Ảnh ảo cùng chiều với vật và lớn hơn vật
D. Ảnh ảo cùng chiều với vật và nhỏ hơn vật
Câu 15. Có một bóng đèn mắc vào hiệu điện thế 24V không đổi, đèn sáng bình thường. Thay bằng nguồn điện xoay chiều cũng có hiệu điện thế 24V, độ sáng đèn sẽ:
A. Sáng mờ hơn
B. Không sáng vì đèn này không thể mắc vào nguồn điện xoay chiều.
C. Sáng nhiều hơn bình thường
D. Vẫn sáng bình thường
Câu 16. Sự điều tiết của mắt có tác dụng gì?.
A. Làm ảnh của vật hiện rõ trên màng lưới
B. Làm tăng độ lớn của vật
C. Làm giảm khoảng cách đến vật
D. Làm tăng khoảng cách đến vật
Câu 17. Dòng điện xoay chiều có thể gây ra tác dụng:
A. Nhiệt
B. Từ
C. Phát sáng
D. Cả A, B, C đều đúng
Câu 18. Chiếu một chùm sáng tia tới song song với trục chính đi qua thấu kính phân kỳ thì chùm tia ló có tính chất gì?
A. Chùm tia ló hội tụ
B. Chùm tia ló phân kỳ
C. Chùm tia ló song song
D. Cả A B C đều sai
Câu 19. Sự điều tiết của mắt là:
A. Sự thay đổi thuỷ dịch của mắt để làm cho ảnh hiện rõ trên võng mạc.
B. Sự thay đổi kích thước của thể thuỷ tinh và võng mạc để ảnh hiện rõ trên võng mạc.
C. Sự thay đổi độ phồng của thể thuỷ tinh để ảnh hiện rõ trên võng mạc.
D. Sự thay đổi khoảng cách giữa thể thuỷ tinh và võng mạc để ảnh hiện rõ trên võng mạc.
Câu 20. Trong máy phát điện xoay chiều, năng lượng được biến đổi từ dạng nào sang dạng nào?
A. Từ nhiệt năng thành điện năng
B. Từ thế năng thành điện năng
C. Từ cơ năng thành điện năng
D. Từ hoá năng thành cơ năng và điện năng
Câu 21. Khi nói về thấu kính, câu kết luận nào dưới đây không đúng?
A. Thấu kính hội tụ có phần rìa mỏng hơn phần giữa.
B. Thấu thấu kính phân kì có phần rìa dày hơn phần giữa
C. Thấu kính hội tụ luôn cho ảnh thật, ngược chiều và nhỏ hơn vật.
D. Thấu kính phân kì luôn cho ảnh ảo, cùng chiều và nhỏ hơn vật.
Câu 22. Khi vật nằm trong khoảng tiêu cự của thấu kính phân kỳ, thì ảnh có tính chất:
A. Ảnh ảo, nhỏ hơn vật
B. Ảnh thật,nhỏ hơn vật
C. Ảnh ảo, lớn hơn vật
D. Ảnh thật, lớn hơn vật
Câu 23. Khi tia sáng truyền từ nước sang không khí thì:
A. Tia khúc xạ không nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ lớn hơn góc tới.
B. Tia khúc xạ nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ lớn hơn góc tới.
C. Tia khúc xạ không nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ nhỏ hơn góc tới.
D. Tia khúc xạ nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ nhỏ hơn góc tới.
Câu 24. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mắt thấy được vật khi:
A. Thể thuỷ tinh co giãn nhiều nhất.
B. Mắt không điều tiết
C. Mắt điều tiết tối đa.
D. Thể thuỷ tinh co giãn ít nhất.

Câu 25. Dòng điện có cường độ 2mA chạy qua một điện trở 3kΩ trong thời gian 10 phút thì nhiệt lượng tỏa ra ở điện trở này có giá trị nào dưới đây ?

A. Q = 60J B. Q = 3600J C. Q = 120J D. Q = 7.2J

Câu 26. A`B` là ảnh của AB qua thấu kính hội tụ có tiêu cự f, ảnh A'B' ngược chiều và cao bằng vật AB. Gọi d là khoảng cách từ vật đến thấu kính, điều nào sau đây là đúng nhất khi nói về mối quan hệ giữa d và f.

A. d = 2f B. d = f C. d > f D. d < f.

Câu 27. Về phương diện tạo ảnh giữa mắt và máy ảnh có những tính chất nào giống nhau?

A. Tạo ra ảnh thật nhỏ hơn vật. B. Tạo ra ảnh ảo nhỏ hơn vật

C. Tạo ra ảnh ảo lớn hơn vật D. Tạo ra ảnh thật lớn hơn vật .

Câu 28. Một máy biến thế có số vòng dây cuộn sơ cấp gấp 3 lần số vòng dây cuộn thứ cấp thì:

A. Giảm hiệu điện thế được 6 lần B. Giảm hiệu điện thế được 3 lần

C. Tăng hiệu điện thế gấp 6 lần D. Tăng hiệu điện thế gấp 3 lần

Câu 29. Thấu kính hội tụ là loại thấu kính có

A. phần rìa dày hơn phần giữa. B. phần rìa mỏng hơn phần giữa.

C. phần rìa và phần giữa bằng nhau. D. hình dạng bất kì.

Câu 30. Thấu kính phân kì là loại thấu kính:

A. có phần rìa dày hơn phần giữa.

B. có phần rìa mỏng hơn phần giữa.

C. biến chùm tia tới song song thành chùm tia ló hộ tụ.

D. có thể làm bằng chất rắn trong suốt.

Câu 31. Tia tới song song với trục chính của thấu kính phân kì cho tia ló:

A. đi qua tiêu điểm của thấu kính.

B. song song với trục chính của thấu kính.

C. cắt trục chính của thấu kính tại một điểm bất kì.

D. có đường kéo dài đi qua tiêu điểm.

Câu 32. Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì:

A. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.

B. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.

C. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.

D. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.

Câu 33. Ảnh ảo của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ và thấu kính phân kì giống nhau ở chỗ:

A. đều cùng chiều với vật B. đều ngược chiều với vật

C. đều lớn hơn vật D. đều nhỏ hơn vật

Câu 34. Đặt vật AB trước một thấu kính phân kì có tiêu cự f = 12 cm. Vật AB cách thấu kính khoảng d = 8 cm. A nằm trên trục chính, biết vật AB = 6 mm. Ảnh của vật AB cách thấu kính một đoạn bằng bao nhiêu?

A. 4,8cm B. 5cm C. 8,4cm D. 10cm

Câu 35. Bộ phận quan trọng nhất của mắt là:

A. thể thủy tinh và thấu kính. B. thể thủy tinh và màng lưới.

C. màng lưới và võng mạc. D. con ngươi và thấu kính.

Câu 36. Về phương diện quang học, thể thủy tinh của mắt giống như:

A. gương cầu lồi B. gương cầu lõm

C. thấu kính hội tụ D. thấu kính phân kì

Câu 37. Để ảnh của một vật cần quan sát hiện rõ nét trên màng lưới, mắt điều tiết bằng cách:

A. thay đổi khoảng cách từ thể thủy tinh đến màng lưới.

B. thay đổi đường kính của con ngươi.

C. thay đổi tiêu cự của thể thủy tinh.

D. thay đổi tiêu cự của thể thủy tinh và khoảng cách từ thể thủy tinh đến con ngươi.

Câu 38. Biểu hiện của mắt cận là:

A. chỉ nhìn rõ các vật ở gần mắt, không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

B. chỉ nhìn rõ các vật ở xa mắt, không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

C. nhìn rõ các vật trong khoảng từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.
D. không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

Câu 39. Biểu hiện của mắt lão là:
A. chỉ nhìn rõ các vật ở gần mắt, không nhìn rõ các vật ở xa mắt.
B. chỉ nhìn rõ các vật ở xa mắt, không nhìn rõ các vật ở gần mắt.
C. nhìn rõ các vật trong khoảng từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.
D. không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

Câu 40. Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F
A. trùng với điểm cực cận của mắt.
B. trùng với điểm cực viễn của mắt.
C. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.
D. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.

---------- *Hết* ----------

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Mã đề: 902
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Môn: VẬT LÍ 9
Tiết theo KHDH: 62-Thời gian làm bài:45 phút

TRẮC NGHIỆM (10 điểm): Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Thấu kính hội tụ là loại thấu kính có
A. phần rìa dày hơn phần giữa. B. phần rìa mỏng hơn phần giữa.
C. phần rìa và phần giữa bằng nhau. D. hình dạng bất kì.

Câu 2. Thấu kính phân kì là loại thấu kính:
A. có phần rìa dày hơn phần giữa.
B. có phần rìa mỏng hơn phần giữa.
C. biến chùm tia tới song song thành chùm tia ló hộ tụ.
D. có thể làm bằng chất rắn trong suốt.

Câu 3. Tia tới song song với trục chính của thấu kính phân kì cho tia ló:
A. đi qua tiêu điểm của thấu kính.
B. song song với trục chính của thấu kính.
C. cắt trục chính của thấu kính tại một điểm bất kì.
D. có đường kéo dài đi qua tiêu điểm.

Câu 4. Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì:
A. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.
B. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.
C. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.
D. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.

Câu 5. Ảnh ảo của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ và thấu kính phân kì giống nhau ở chỗ:
A. đều cùng chiều với vật B. đều ngược chiều với vật
C. đều lớn hơn vật D. đều nhỏ hơn vật

Câu 6. Đặt vật AB trước một thấu kính phân kì có tiêu cự f = 12 cm. Vật AB cách thấu kính khoảng d = 8 cm. A nằm trên trục chính, biết vật AB = 6 mm. Ảnh của vật AB cách thấu kính một đoạn bằng bao nhiêu?
A. 4,8cm B. 5cm C. 8,4cm D. 10cm

Câu 7. Bộ phận quan trọng nhất của mắt là:
A. thể thủy tinh và thấu kính. B. thể thủy tinh và màng lưới.
C. màng lưới và võng mạc. D. con ngươi và thấu kính.

Câu 8. Về phương diện quang học, thể thủy tinh của mắt giống như:
A. gương cầu lồi B. gương cầu lõm
C. thấu kính hội tụ D. thấu kính phân kì

Câu 9. Để ảnh của một vật cần quan sát hiện rõ nét trên màng lưới, mắt điều tiết bằng cách:
A. thay đổi khoảng cách từ thể thủy tinh đến màng lưới.
B. thay đổi đường kính của con ngươi.
C. thay đổi tiêu cự của thể thủy tinh.
D. thay đổi tiêu cự của thể thủy tinh và khoảng cách từ thể thủy tinh đến con ngươi.

Câu 10. Biểu hiện của mắt cận là:
A. chỉ nhìn rõ các vật ở gần mắt, không nhìn rõ các vật ở xa mắt.
B. chỉ nhìn rõ các vật ở xa mắt, không nhìn rõ các vật ở gần mắt.
C. nhìn rõ các vật trong khoảng từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.
D. không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

Câu 11. Biểu hiện của mắt lão là:
A. chỉ nhìn rõ các vật ở gần mắt, không nhìn rõ các vật ở xa mắt.
B. chỉ nhìn rõ các vật ở xa mắt, không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

C. nhìn rõ các vật trong khoảng từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.
D. không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

Câu 12. Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

A. trùng với điểm cực cận của mắt.
B. trùng với điểm cực viễn của mắt.
C. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.
D. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.

Câu 13. Một máy biến thế dùng để hạ hiệu điện thế từ 500000V xuống còn 2500V. Hỏi cuộn dây thứ cấp có bao nhiêu vòng. Biết cuộn dây sơ cấp có 100000 vòng. Chọn kết quả đúng:

A. 12500 vòng
B. 2500vòng.
C. 20000 vòng
D. 500 vòng

Câu 14. Các thiết bị nào sau đây không sử dụng dòng điện xoay chiều ?

A. Bóng đèn dây tóc mắc vào điện nhà 220V
B. Máy thu thanh dùng pin.
C. Tủ lạnh.
D. Ấm đun nước

Câu 15. Tia tới đến quang tâm của thấu kính cho tia ló:

A. đi qua tiêu điểm.
B. song song với thấu kính.
C. song song với trục chính.
D. tiếp tục truyền thẳng.

Câu 16. Một vật sáng AB đặt vuông góc với trục chính và cách thấu kính hội tụ có tiêu cự f = 10cm một khoảng d = 20cm. Vật AB cao 5cm. Khoảng cách từ ảnh đến thấu kính và chiều cao của ảnh là:

A. 15cm và 2,5cm
B. 1,5cm và 25cm.
C. 15cm và 25cm.
D. 20cm và 5cm.

Câu 17. Máy sấy tóc đang hoạt động. Đã có sự biến đổi:

A. Điện năng thành nhiệt năng.
B. Điện năng thành cơ năng.
C. Điện năng thành quang năng.
D. Điện năng thành cơ năng, nhiệt năng.

Câu 18. Trường hợp nào sau đây xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều trong cuộn dây dẫn kín ?

A. Đưa nam châm từ trong ra ngoài cuộn dây dẫn kín.
B. Cuộn dây dẫn kín đặt trong từ trường của nam châm.
C. Đưa nam châm lại gần cuộn dây kín.
D. Cho nam châm quay trước cuộn dây dẫn kín.

Câu 19. Một điểm sáng nằm ngay trên trục chính và ở rất xa thấu kính hội tụ thì cho ảnh:

A. Ảnh ở rất xa
B. Tại tiêu điểm của thấu kính
C. Ảnh nằm trong khoảng tiêu cự
D. Cho ảnh ảo

Câu 20. Một máy biến thế có số vòng dây ở cuộn sơ cấp là 1500 vòng . Cuộn thứ cấp là 4500 vòng . Hiệu điện thế lấy ra ở cuộn thứ cấp là 180 V. Hiệu điện thế đưa vào cuộn sơ cấp là :

A. 300 (V) **B.** 200 (V) C. 60 (V) **D.** 90 (V)

Câu 21. Khi truyền tải điện năng đi xa, điện năng hao phí đã chuyển hoá thành dạng năng lượng:

A. Nhiệt năng
B. Hóa năng
C. Năng lượng từ trường
D. Năng lượng ánh sáng

Câu 22. Khi đặt vật trước thấu kính hội tụ ở khoảng cách d < f thì thấu kính cho ảnh có đặc điểm là:

A. Ảnh ảo cùng chiều với vật và nhỏ hơn vật
B. Ảnh ảo cùng chiều với vật và lớn hơn vật
C. Ảnh ảo ngược chiều với vật và nhỏ hơn vật
D. Ảnh ảo ngược chiều với vật và lớn hơn vật

Câu 23. Khi tia sáng truyền từ không khí vào nước, gọi i là góc tới và r là góc khúc xạ thì

A. r = i. **B.** r < i. **C.** r > i. **D.** 2r = i.

Câu 24. Nếu tăng hiệu điện thế ở hai đầu đường dây tải điện lên 100 lần thì công suất hao phí vì toả nhiệt trên đường dây dẫn sẽ:

A. tăng lên 200 lần
B. giảm đi 100 lần

C. giảm đi 10 000 lần D. tăng lên 100 lần

Câu 25. Câu nào sau đây ***không đúng*** khi nói về thấu kính phân kì ?

A. Thấu kính phân kì có phần rìa dày hơn phần giữa.

B. Tia tới song song với trục chính thì tia ló đi qua tiêu điểm của thấu kính.

C. Tia tới đến quang tâm cho tia ló tiếp tục truyền thẳng theo phương của tia tới.

D. Tia tới song song với trục chính thì tia ló kéo dài đi qua tiêu điểm của thấu kính.

Câu 26. Khi đặt vật trước thấu kính phân kỳ thì ảnh của nó tạo bởi thấu kính có đặc điểm là:

A. Ảnh thật cùng chiều với vật và nhỏ hơn vật

B. Ảnh ảo cùng chiều với vật và lớn hơn vật

C. Ảnh ảo cùng chiều với vật và nhỏ hơn vật

D. Ảnh ảo ngược chiều với vật và nhỏ hơn vật

Câu 27. Chiếu một chùm sáng tia tới song song với trục chính đi qua thấu kính phân kỳ thì chùm tia ló có tính chất gì?

A. Chùm tia ló hội tụ B. Cả A, C, D đều sai

C. Chùm tia ló song song D. Chùm tia ló phân kỳ

Câu 28. Sự điều tiết của mắt có tác dụng gì?.

A. Làm tăng độ lớn của vật B. Làm tăng khoảng cách đến vật

C. Làm giảm khoảng cách đến vật D. Làm ảnh của vật hiện rõ trên màng lưới

Câu 29. Dòng điện xoay chiều có thể gây ra tác dụng:

A. Từ B. Phát sáng C. Nhiệt D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 30. Về phương diện tạo ảnh giữa mắt và máy ảnh có những tính chất nào giống nhau?

A. Tạo ra ảnh thật nhỏ hơn vật. B.Tạo ra ảnh ảo nhỏ hơn vật

C. Tạo ra ảnh ảo lớn hơn vật D.Tạo ra ảnh thật lớn hơn vật .

Câu 31. Sự điều tiết của mắt là:

A. Sự thay đổi thuỷ dịch của mắt để làm cho ảnh hiện rõ trên võng mạc.

B. Sự thay đổi khoảng cách giữa thể thuỷ tinh và võng mạc để ảnh hiện rõ trên võng mạc.

C. Sự thay đổi kích thước của thể thuỷ tinh và võng mạc để ảnh hiện rõ trên võng mạc.

D. Sự thay đổi độ phồng của thể thuỷ tinh để ảnh hiện rõ trên võng mạc.

Câu 32. Trong máy phát điện xoay chiều, năng lượng được biến đổi từ dạng nào sang dạng nào?

A. Từ cơ năng thành điện năng B. Từ hoá năng thành cơ năng và điện năng

C. Từ nhiệt năng thành điện năng D. Từ thế năng thành điện năng

Câu 33. Có một bóng đèn mắc vào hiệu điện thế 24V không đổi, đèn sáng bình thường. Thay bằng nguồn điện xoay chiều cũng có hiệu điện thế 24V, độ sáng đèn sẽ:

A. Sáng mờ hơn

B. Không sáng vì đèn này không thể mắc vào nguồn điện xoay chiều.

C. Sáng nhiều hơn bình thường

D. Vẫn sáng bình thường

Câu 34. Khi vật nằm trong khoảng tiêu cự của thấu kính phân kỳ, thì ảnh có tính chất:

A. Ảnh thật,nhỏ hơn vật B. Ảnh thật, lớn hơn vật

C. Ảnh ảo, nhỏ hơn vật D. Ảnh ảo, lớn hơn vật

Câu 35. Khi tia sáng truyền từ nước sang không khí thì:

A. Tia khúc xạ không nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ lớn hơn góc tới.

B. Tia khúc xạ nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ nhỏ hơn góc tới.

C. Tia khúc xạ không nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ nhỏ hơn góc tới.

D. Tia khúc xạ nằm trong mặt phẳng tới, góc khúc xạ lớn hơn góc tới.

Câu 36. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mắt thấy được vật khi:

A. Thể thuỷ tinh co giãn nhiều nhất. B. Mắt không điều tiết

C. Thể thuỷ tinh co giãn ít nhất. D. Mắt điều tiết tối đa.

Câu 37. Dòng điện có cường độ 2mA chạy qua một điện trở 3kΩ trong thời gian 10 phút thì nhiệt lượng tỏa ra ở điện trở này có giá trị nào dưới đây ?

A. Q = 120J **B.** Q = 60J **C.** Q = 7,2J **D.** Q = 3600J

Câu 38. A'B' là ảnh của AB qua thấu kính hội tụ có tiêu cự f, ảnh A'B' ngược chiều và cao bằng vật AB. Gọi d là khoảng cách từ vật đến thấu kính. điều nào sau đây là đúng nhất khi nói về mối quan hệ giữa d và f.

A. d = f **B.** d > f **C.** d = 2f **D.** d < f.

Câu 39. Máy biến thế có tác dụng gì ?

A. Giữ cho hiệu điện thế ổn định B. Giữ cho cường độ dòng điện ổn định

C. Làm tăng hoặc giảm hiệu điện thế D. Giữ cho hiệu điện thế không ổn định

Câu 40. Một máy biến thế có số vòng dây cuộn sơ cấp gấp 3 lần số vòng dây cuộn thứ cấp thì:

A. Tăng hiệu điện thế gấp 6 lần **B.** Tăng hiệu điện thế gấp 3 lần

C. Giảm hiệu điện thế được 3 lần **D.** Giảm hiệu điện thế được 6 lần

---------- *Hết* ----------

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Mã đề thi: 901

MÔN ĐỊA LÍ 9
Tiết theo KHDH: 51- *Thời gian làm bài: 45 phút*

(Đề thi có 05 trang)

(Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam)

Ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra riêng

Câu 1. Vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta rộng bao nhiêu hải lí?
A. 212 hải lí tính từ giới hạn ngoài của lãnh hải
B. 200 hải lí tính từ đường cơ sở
C. 200 hải lí tính từ đường bờ biển
D. 212 hải lí tính từ đường bờ biển

Câu 2. Loại hình du lịch biển đang được khai thác nhiều nhất ở nước ta hiện nay là:
A. Lặn biển B. Ẩm thực C. Tắm biển D. Lướt ván.

Câu 3. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ:
A. Móng Cái đến Vũng Tàu B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 4. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển của nước ta tương ứng là
A. 3160 km và khoảng 0,5 triệu km^2 B. 3 260km và khoảng 1 triệu km^2
C. 3 460 km và khoảng 2 triệu km^2 D. 2 360 km và khoảng 1,0 triệu km^2

Câu 5. Cho bảng số liệu

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông cửu Long và cả nước, năm 2002

Vùng / Tiêu chí	Đồng bằng sông Cửu Long	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	7504,3
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	34,4

Dựa vào bảng số liệu ta biết được tỉ lệ (%) sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước là:
A. 51,1% B. 51,5% C. 51,2% D. Hơn 51,2%

Câu 6. Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh:
A. Nghề rừng. B. Giao thông. C. Du lịch. D. Thuỷ hải sản.

Câu 7. Đồng bằng Sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước vì:
A. Chiếm hơn 50% diện tích canh tác. B. Hơn 50% sản lượng.
C. Hơn 50% diện tích và sản lượng. D. Điều kiện tốt để canh tác.

Câu 8. Ngành công nghiệp có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:
A. Sản xuất hàng tiêu dùng. B. Dệt may.
C. Chế biến lương thực thực phẩm. D. Cơ khí.

Câu 9. Loại hình giao thông vận tải phát triển nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là:
A. Đường sông B. Đường sắt C. Đường bộ D. Đường biển

Câu10. Thuận lợi lớn nhất về vị trí của Đồng bằng Sông Cửu Long là:
A. Toàn bộ diện tích là đồng bằng B. Ba mặt giáp biển

C. Nằm ở cực Nam tổ quốc D. Rộng lớn nhất cả nước.

Câu 11. Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Năng suất lúa cao nhất B. Diện tích đồng bằng lớn nhất

C. Sản xuất lúa gạo nhiều nhất D. Xuất khẩu nông sản nhiều nhất.

Câu 12. Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước.

B. Vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.

C. Vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước.

D. Vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước.

Câu 13. Trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Thành phố Cần Thơ. B. Thành phố Cà Mau.

C. Thành phố Mĩ Tho. D. Thành phố Cao Lãnh.

Câu 14. Cho bảng số liệu

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông cửu Long và cả nước, năm 2002

Vùng / Tiêu chí	Đồng bằng sông Cửu Long	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	7504,3
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	34,4

Hỏi năng suất lúa trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu tạ/ha?

A. 46,1 tạ/ha B. 21,0 tạ/ha C. 61,4 tạ/ha D. 56,1 tạ/ha

Câu 15. Tỉnh có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Kiên Giang. B. Cà Mau. C. Hà Tiên. D. Long Xuyên.

Câu 16. Nhận xét nào sau đây **không** đúng về hoạt động của ngành thủy sản nước ta?

A. Hoạt động đánh bắt tập trung chủ yếu ở vùng biển xa bờ.

B. Đẩy mạnh nuôi trồng hải sản trên biển, ven biển và các đảo.

C. Phát triển đồng bộ và hiện đại công nghiệp chế biến thủy sản.

D. Chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản từ khai thác sang nuôi trồng.

Câu 17. Tính từ đất liền ra, các bộ phận thuộc vùng biển nước ta lần lượt là:

A. Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế.

B. Tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế.

C. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

D. Nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải.

Câu 18. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long (nghìn tấn)

Năm / Vùng	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Cửu Long	819,2	1169,1	1354,5
Cả nước	1584,4	2250,5	2647,4

Dựa vào bảng cho thấy sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2002 chiếm tỉ lệ so với cả nước là:

A. 51,1% B. Hơn 51,1% C. 51,2% D. Hơn 51,2%

Câu 19. Thiên tai ảnh hưởng lớn đến hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta là:
A. Sạt lở bờ biển. B. Lũ quét. C. Hạn hán. D. Bão.
Câu 20. Du lịch biển của nước ta hiện nay mới chỉ tập trung khai thác hoạt động
A. thể thao trên biển. B. tắm biển. C. lặn biển. D. khám phá các đảo.
Câu 21. Phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển nước ta **không** bao gồm ngành nào sau đây?
A. Đánh bắt nuôi trồng và chế biến thủy sản.
B. Khai thác và chế biến lâm sản.
C. Khai thác khoáng sản biển.
D. Du lịch biển.
Câu 22. Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo là
A. cơ sở để khai thác có hiệu quả các nguồn lợi thủy sản.
B. hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển, hội nhập với thế giới.
C. tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân vùng đảo.
D. cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.
Câu 23. Hai quần đảo xa bờ của nước ta là:
A. Hoàng Sa , Thổ Chu. B. Hoàng Sa, Trường Sa.
C. Hoàng Sa, Nam Du. D. Thổ Chu, Cô Tô.
Câu 24. Cho bảng số liệu sau:
SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2019 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

Năm	**2005**	**2010**	**2016**	**2019**
Tổng	3465,9	5142,7	6895	8270,2
Khai thác	1987,9	2414,4	3237	3777,7
Nuôi trồng	1478,0	2728,3	3658	4492,5

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo ngành khai thác của nước ta, giai đoạn 2005 - 2019 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?
A. Đường. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Cột.
Câu 25. Hệ thống đảo ven bờ của nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển các tỉnh
A. Thanh Hóa, Quảng Nam, Bình Định, Cà Mau.
B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bình Thuận.
C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.
D. Thái Bình, Nghệ An, Ninh Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu.
Câu 26. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ:
A. Móng Cái đến Vũng Tàu B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên D. Móng Cái đến Hà Tiên.
Câu 27. Bờ biển vùng nào dưới đây có lợi thế hơn cả trong phát triển du lịch biển?
A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Trung du miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
Câu 28. Đảo có đông dân cư sinh sống ở vùng biển nước ta là:
A. Cái Bầu. B. Bạch Long Vĩ. C. Cồn Cỏ. D. Hòn Chuối.
Câu 29. Đặc điểm khí hậu cho phép hoạt động du lịch biển ở vùng Nam Bộ của nước ta diễn ra quanh năm đó là:
A. Khí hậu nhiệt đới ẩm, nóng quanh năm.
B. Độ ẩm lớn trên 80%, lượng mưa lớn từ 1500 – 2000mm/năm.

C. Nước ta chịu ảnh hưởng của bão, gió mùa đông bắc.
D. Vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài.

Câu 30. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2019 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

Năm	**2005**	**2010**	**2016**	**2019**
Tổng	3465,9	5142,7	6895	8270,2
Khai thác	1987,9	2414,4	3237	3777,7
Nuôi trồng	1478,0	2728,3	3658	4492,5

Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 20005 - 2019?

A. Tổng sản lượng thủy sản tăng.
B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.
C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.
D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

Câu 31. Đảo lớn nhất trong hệ thống các đảo ở Việt Nam là
A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo.

Câu 32. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta không tiếp giáp biển?
A. Quảng Ninh. B. Vĩnh Phúc.
C. Khánh Hòa. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 33. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết hai trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là:
A. Cần Thơ và Bạc Liêu. B. Cần Thơ và Long An.
C. Cần Thơ và Cà Mau. D. Cần Thơ và Rạch Giá.

Câu 34. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết biển Mũi Né thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?
A. Quảng Ngãi. B. Đà Nẵng. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

Câu 35. Cho bảng số liệu

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông cửu Long và cả nước, năm 2002

Vùng / **Tiêu chí**	**Đồng bằng sông Cửu Long**	**Cả nước**
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	7504,3
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	34,4

Dựa vào bảng số liệu ta biết được tỉ lệ (%) diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước là
A. 51,1% B. Hơn 51,1% C. 51,2% D. Hơn 51,2%

Câu 36. Phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, không phải vì
A. Hoạt động kinh tế biển đa dạng, phát triển tổng hợp mới có hiệu quả cao.
B. Tài nguyên biển có trữ lượng nhỏ và rời rạc, phát triển tổng hợp mới có hiệu quả kinh tế.
C. Môi trường đảo rất nhạy cảm trước tác động của con người.
D. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ biển – đảo nước ta.

Câu 37. Cần ưu tiên hoạt động đánh bắt xa bờ ở nước ta vì:
A. Nguồn lợi thủy sản ven bờ đang bị suy giảm nghiêm trọng.

C. Các bãi tôm bãi cá lớn của nước ta chỉ tập trung ở vùng biển xa bờ.
D. Nước ta có phương tiện tàu thuyền hiện đại, công suất lớn.

Câu 38. Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:
A. Đất, rừng
B. Khí hậu, nước.
C. Biển và hải đảo.
D. Tài nguyên khoáng sản.

Câu 39. Cần ưu tiên hoạt động đánh bắt xa bờ ở nước ta vì:
A. Nguồn lợi thủy sản ven bờ đang bị suy giảm nghiêm trọng.
B. Các loài thủy sản xa bờ có giá trị kinh tế cao hơn.
C. Các bãi tôm bãi cá lớn của nước ta chỉ tập trung ở vùng biển xa bờ.
D. Nước ta có phương tiện tàu thuyền hiện đại, công suất lớn.

Câu 40. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long (nghìn tấn)

Năm / Vùng	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Cửu Long	819,2	1169,1	1354,5
Cả nước	1584,4	2250,5	2647,4

Dựa vào bảng cho thấy sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long năm 1995 chiếm tỉ lệ so với cả nước là:
A. 51,1% B. 51,4% C. 51,2% D. 51,7%

.....Chúc các em làm bài tốt!.....

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022- 2023

Mã đề thi: 902

MÔN ĐỊA LÍ 9
Tiết theo KHDH: 51- *Thời gian làm bài: 45 phút*

(Đề thi có 05 trang)

(Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam)

Ghi chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra riêng

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long (nghìn tấn)

Năm / Vùng	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Cửu Long	819,2	1169,1	1354,5
Cả nước	1584,4	2250,5	2647,4

Dựa vào bảng cho thấy sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long năm 1995 chiếm tỉ lệ so với cả nước là:

A. 51,1% B. 51,4% C. 51,2% D. 51,7%

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết biển Mũi Né thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

A. Quảng Ngãi. B. Đà Nẵng. C. Bình Thuận. D. Phú Yên.

Câu 3. Cần ưu tiên hoạt động đánh bắt xa bờ ở nước ta vì

A. Nguồn lợi thủy sản ven bờ đang bị suy giảm nghiêm trọng.

B. Các loài thủy sản xa bờ có giá trị kinh tế cao hơn.

C. Các bãi tôm bãi cá lớn của nước ta chỉ tập trung ở vùng biển xa bờ.

D. Nước ta có phương tiện tàu thuyền hiện đại, công suất lớn.

Câu 4. Phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, không phải vì

A. Hoạt động kinh tế biển đa dạng, phát triển tổng hợp mới có hiệu quả cao.

B. Tài nguyên biển có trữ lượng nhỏ và rời rạc, phát triển tổng hợp mới có hiệu quả kinh tế.

C. Môi trường dảo rất nhạy cảm trước tác động của con người.

D. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ biển – đảo nước ta.

Câu 5. Cho bảng số liệu

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông cửu Long và cả nước, năm 2002

Vùng / Tiêu chí	Đồng bằng sông Cửu Long	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	7504,3
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	34,4

Dựa vào bảng số liệu ta biết được tỉ lệ (%) diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước là

A. 51,1% B. Hơn 51,1% C. 51,2% D. Hơn 51,2%

Câu6. Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:

A. Đất, rừng B. Khí hậu, nước.

C. Biển và hải đảo. D. Tài nguyên khoáng sản.

Câu 7. Thuận lợi lớn nhất về vị trí của Đồng bằng Sông Cửu Long là:

A. Toàn bộ diện tích là đồng bằng B. Ba mặt giáp biển

C. Nằm ở cực Nam tổ quốc D. Rộng lớn nhất cả nước.

Câu 8. Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Năng suất lúa cao nhất B. Diện tích đồng bằng lớn nhất

C. Sản xuất lúa gạo nhiều nhất D. Xuất khẩu nông sản nhiều nhất.

Câu 9. Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước.

B. Vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.

C. Vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước.

D. Vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước.

Câu 10. Trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Thành phố Cần Thơ. B. Thành phố Cà Mau.

C. Thành phố Mĩ Tho. D. Thành phố Cao Lãnh.

Câu 11. Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh:

A. Nghề rừng. B. Giao thông. C. Du lịch. D. Thuỷ hải sản.

Câu 12. Đồng bằng Sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước vì:

A. Chiếm hơn 50% diện tích canh tác. B. Hơn 50% sản lượng.

C. Hơn 50% diện tích và sản lượng. D. Điều kiện tốt để canh tác.

Câu 13. Ngành công nghiệp có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:

A. Sản xuất hàng tiêu dùng. B. Dệt may.

C. Chế biến lương thực thực phẩm. D. Cơ khí.

Câu 14. Loại hình giao thông vận tải phát triển nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là:

A. Đường sông B. Đường sắt C. Đường bộ D. Đường biển

Câu 15. Cho bảng số liệu

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông cửu Long và cả nước, năm 2002

Vùng / Tiêu chí	Đồng bằng sông Cửu Long	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	3834,8	7504,3
Sản lượng (triệu tấn)	17,7	34,4

Hỏi năng suất lúa trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu tạ/ha?

A. 46,1 tạ/ha B. 21,0 tạ/ha C. 61,4 tạ/ha D. 56,1 tạ/ha

Câu 16. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết hai trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Cần Thơ và Bạc Liêu. B. Cần Thơ và Long An.

C. Cần Thơ và Cà Mau. D. Cần Thơ và Rạch Giá.

Câu 17. Cần ưu tiên hoạt động đánh bắt xa bờ ở nước ta vì:

A. Nguồn lợi thủy sản ven bờ đang bị suy giảm nghiêm trọng.

B. Các loài thủy sản xa bờ có giá trị kinh tế cao hơn.

C. Các bãi tôm bãi cá lớn của nước ta chỉ tập trung ở vùng biển xa bờ.

D. Nước ta có phương tiện tàu thuyền hiện đại, công suất lớn.

Câu 18. Nhận xét nào sau đây **không** đúng về hoạt động của ngành thủy sản nước ta?
A. Hoạt động đánh bắt tập trung chủ yếu ở vùng biển xa bờ.
B. Đẩy mạnh nuôi trồng hải sản trên biển, ven biển và các đảo.
C. Phát triển đồng bộ và hiện đại công nghiệp chế biến thủy sản.
D. Chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản từ khai thác sang nuôi trồng.
Câu 19. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long (nghìn tấn)

Năm / Vùng	1995	2000	2002
Đồng bằng sông Cửu Long	819,2	1169,1	1354,5
Cả nước	1584,4	2250,5	2647,4

Dựa vào bảng cho thấy sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2002 chiếm tỉ lệ so với cả nước là:
A. 51,1% B. Hơn 51,1% C. 51,2% D. Hơn 51,2%
Câu 20. Tính từ đất liền ra, các bộ phận thuộc vùng biển nước ta lần lượt là:
A. Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế.
B. Tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế.
C. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.
D. Nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải.

Câu 21.Vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta rộng bao nhiêu hải lí

A. 212 hải lí tính từ giới hạn ngoài của lãnh hải

B. 200 hải lí tính từ đường cơ sở

C. 200 hải lí tính từ đường bở biển

D. 212 hải lí tính từ đường bở biển
Câu 22. Thiên tai ảnh hưởng lớn đến hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta là:
A. Sạt lở bờ biển. B. Lũ quét. C. Hạn hán. D. Bão.
Câu 23. Du lịch biển của nước ta hiện nay mới chỉ tập trung khai thác hoạt động
A. thể thao trên biển. B. tắm biển. C. lặn biển. D. khám phá các đảo.
Câu 24. Phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển nước ta **không** bao gồm ngành nào sau đây?
A. Đánh bắt nuôi trồng và chế biến thủy sản.
B. Khai thác và chế biến lâm sản.
C. Khai thác khoáng sản biển.
D. Du lịch biển.
Câu 25. Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng của các đảo và quần đảo là
A. cơ sở để khai thác có hiệu quả các nguồn lợi thủy sản.
B. hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển, hội nhập với thế giới.
C. tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân vùng đảo.
D. cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta trên vùng biển và thềm lục địa.

Câu 26. Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2019 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

Năm	2005	2010	2016	2019
Tổng	3465,9	5142,7	6895	8270,2
Khai thác	1987,9	2414,4	3237	3777,7
Nuôi trồng	1478.0	2728,3	3658	4492,5

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo ngành khai thác của nước ta, giai đoạn 2005 - 2019 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Đường. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Cột.

Câu 27. Đặc điểm khí hậu cho phép hoạt động du lịch biển ở vùng Nam Bộ của nước ta diễn ra quanh năm là:

A. Khí hậu nhiệt đới ẩm, nóng quanh năm.

B. Độ ẩm lớn trên 80%, lượng mưa lớn từ 1500 – 2000mm/năm.

C. Nước ta chịu ảnh hưởng của bão, gió mùa đông bắc.

D. Vùng biển nước ta rộng, đường bờ biển dài.

Câu 28. Hệ thống đảo ven bờ của nước ta phân bố tập trung nhất ở vùng biển các tỉnh

A. Thanh Hóa, Quảng Nam, Bình Định, Cà Mau.

B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bình Thuận.

C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

D. Thái Bình, Nghệ An, Ninh Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 29. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ:

A. Móng Cái đến Vũng Tàu B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau

C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 30. Bờ biển vùng nào dưới đây có lợi thế hơn cả trong phát triển du lịch biển?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Trung du miền núi Bắc Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 31. Đảo có đông dân cư sinh sống ở vùng biển nước ta là:

A. Cái Bầu. B. Bạch Long Vĩ. C. Cồn Cỏ. D. Hòn Chuối.

Câu 31. Hai quần đảo xa bờ của nước ta là:

A. Hoàng Sa , Thổ Chu. B. Hoàng Sa, Trường Sa.

C. Hoàng Sa, Nam Du. D. Thổ Chu, Cô Tô.

Câu 33. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2019 *(Đơn vị: nghìn tấn)*

Năm	2005	2010	2016	2019
Tổng	3465,9	5142,7	6895	8270,2
Khai thác	1987,9	2414,4	3237	3777,7
Nuôi trồng	1478,0	2728,3	3658	4492,5

Từ bảng số liệu, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản nước ta, giai đoạn 20005 - 2019?

A. Tổng sản lượng thủy sản tăng.

B. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn khai thác.

D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

Câu 34. Đảo lớn nhất trong hệ thống các đảo ở Việt Nam là:
A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo.
Câu 35. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta không tiếp giáp biển?
A. Quảng Ninh. B. Vĩnh Phúc.
C. Khánh Hòa. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.
Câu 36. Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích khoảng:
A. 20 000km^2 B. 30 000km^2 C. 40 000km^2 D. 50 000km^2
Câu 37. Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay của Đồng bằng sông Cửu Long là:
A. Xây dựng hệ thống đê điều. B. Chủ động chung sống với lũ.
C. Tăng cường công tác dự báo lũ. D. Đầu tư cho các dự án thoát nước.
Câu 38. Đặc điểm nổi bật về vị trí của Đồng bằng Sông Cửu Long là:
A. Toàn bộ diện tích là đồng bằng. B. Hai mặt giáp biển.
C. Nằm ở cực Nam tổ quốc. D. Rộng lớn nhất cả nước.
Câu 39. Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:
A. Đất, rừng. B. Khí hậu, nước.
C. Biển và hải đảo. D. Tài nguyên khoáng sản.
Câu 40. Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?
A. Đồng Nai. B. Mê Công. C. Thái Bình. D. Sông Hồng.

.....Chúc các em làm bài tốt!.....

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

(Mã đề 901- Gồm có 5 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2022 – 2023.
Môn: Lịch sử 9
Tiết theo KHDH: 45- Thời gian làm bài: 45 phút

Ghi chữ cái trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Mục tiêu chính của Pháp và Mĩ khi thực hiện kế hoạch Rơ- ve là:
A. Khóa chặt đường biên giới Việt- Trung.
B. Cắt đứt con đường số 4.
C. Tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.
D. Khóa chặt biên giới Việt- Lào.

Câu 2. Trận đánh mở màn chiến dịch biên giới Thu- Đông năm 1950 là:
A. Thất Khê.
B. Đông Khê.
C. Cao Bằng.
D. Yên Bái.

Câu 3. Kết quả lớn nhất của ta trong chiến dịch Biên giới 1950 là gì?
A. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 quân địch.
B. Giải phóng toàn tuyến biên giới Việt- Trung.
C. Hành lang Đông-Tây bị chọc thủng ở Hoà Bình.
D. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc, làm phá sản kế hoạch Na- va của Pháp và Mĩ.

Câu 4. Ai là người trực tiếp chỉ đạo chiến dịch Biên giới năm 1950?
A. Tổng bí thư Trường Chinh.
B. Thủ tướng Phạm Văn Đồng.
C. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.
D. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 5. Đại hội Đảng lần thứ II quyết định Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là gì?
A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Đảng Lao động Việt Nam.
D. Đảng Cần lao Nhân vị.

Câu 6. Bước vào năm 1950, sự kiện quốc tế nào sau đây có lợi cho phía ta?
A. 1949 nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.
B. Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.
C. Phong trào phản đối chiến tranh Đông Dương của nhân dân Pháp lên cao.
D. Sau chiến dịch Việt Bắc (1947) so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.

Câu 7. Vì sao Đảng, Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới 1950?
A. Tạo điều kiện để thúc đẩy cuộc kháng chiến của ta tiến lên một bước.
B. Khai thông đường biên giới Việt- Lào, mở rộng liên lạc với quốc tế.
C. Khai thông biên giới Việt- Trung.
D. Để đánh bại ý chí xâm lược Việt Nam của Pháp.

Câu 8. Việc Mĩ đồng ý với Pháp thực hiện kế hoạch Rơ-ve (5/1949) là mốc mở đầu cho:
A. thời kỳ Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á.
B. quá trình Mĩ dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
C. sự hình thành liên minh quân sự mang tên "Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á" (SEATO).
D. chính sách xoay trục của Mĩ, tăng cường ảnh hưởng của Mĩ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 9. Sự khác nhau về chiến lược giữa chiến dịch Biên giới 1950 và chiến dịch Việt Bắc 1947 là gì?
A. Loại hình tác chiến.
B. Địa hình tác chiến.

C. Đối tượng tác chiến. D. Mục tiêu chiến dịch.

Câu 10. "Thắng lợi này chứng minh sự trưởng thành của quân đội ta và cuộc kháng chiến từ thế phòng ngự sang thế tiến công". Đó là ý nghĩa lịch sử của chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Việt Bắc 1947. B. Chiến dịch Biên giới 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc 1952. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 11. Kế hoạch Na-va ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. Lực lượng của Pháp suy yếu sau 8 năm tiến hành chiến tranh, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, gặp nhiều khó khăn về kinh tế, chính trị.

B. Tranh thủ sự viện trợ của Mĩ cho cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

C. Chiến tranh Triều Tiên kết thúc.

D. Pháp đang nắm thế chủ động trên chiến trường.

Câu 12. Ai là tổng chỉ huy quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954?

A. Trung tướng Vương Thừa Vũ B. Thượng tướng Hoàng Minh Thảo.

C. Đại tướng Văn Tiến Dũng. D. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Câu 13. Mục tiêu chính của Pháp, Mĩ trong việc đề ra kế hoạch quân sự Na-va là gì?

A. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

B. Hi vọng "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng, buộc Việt Nam phải đi đến đàm phán với Pháp.

D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong tư thế thắng trận.

Câu 14. Điện Biên Phủ được mệnh danh là:

A. Cỗ máy xay thịt ở Đông Dương. B. Pháo đài bất khả xâm phạm.

C. Căn cứ quân sự lớn nhất Châu Á. D. Tử huyệt của quân đội Việt Nam.

Câu 15. Mục tiêu của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

A. Đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

B. Tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ, bẽ gãy ý chí xâm lược của chúng.

C. Tiêu diệt lực địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Lào.

D. Đập tan tham vọng, dã tâm xâm lược Việt Nam của Pháp và Mĩ.

Câu 16. Theo Hiệp định Giơ- ne- vơ, vĩ tuyến 17 là:

A. Ranh giới giữa hai quốc gia. B. Ranh giới quân sự tạm thời.

C. Khu phi quân sự. D. Ranh tuyến quân sự tạm thời.

Câu 17. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953- 1954 là gì?

A. Buộc chúng phải phân tán lực lượng để đối phó với ta. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Na - va.

B. Tiêu diệt một bộ phân quan trọng sinh lực của địch.

C. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va.

D. Giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn, buộc Pháp phải co cụm lại tại Điện Biên Phủ.

Câu 18. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với một đường lối chính trị, quân sự, kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
B. Truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.
C. Có hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.
D. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương và sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới.

Câu 19. Vì sao Pháp, Mĩ đánh giá Điện Biên Phủ là "Pháo đài bất khả xâm phạm"?
A. Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.
B. Điện Biên Phủ do các tướng lĩnh giỏi nhất của Pháp chỉ huy.
C. Điện Biên Phủ được tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của Pháp
D. Điện Biên Phủ có hệ thống phòng ngự liên hoàn vững chắc.

Câu 20. Ngày 10- 10- 1954 diễn ra sự kiện quan trọng gì ở Việt Nam?
A. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô.
B. Pháp rút khỏi Hà Nội, bộ đội ta vào tiếp quản thủ đô.
C. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
D. Pháp rút quân khỏi miền Nam.

Câu 21. Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơ- ne- vơ năm 1954 như thế nào?
A. Thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.
B. Tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược.
C. Thực hiện hiệp thương, tổng tuyển cử tự do để đi đến thống nhất đất nước.
D. Tạm thời chia cắt làm hai miền lấy vĩ tuyến 17 là ranh giới quân sự tạm thời.

Câu 22. Pháp rút lui khỏi miền Nam, Mĩ liền đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền ở miền Nam Việt Nam để thực hiện âm mưu gì?
A. Chống phá cách mạng miền Bắc.
B. Chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ của Mĩ.
C. Cô lập miền Bắc.
D. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 23. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau khi Hiệp định Giơ- ne- vơ được ký kết là gì?
A: Tiếp tục đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp.
B: Đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne- vơ, bảo vệ hòa bình.
C: Bảo vệ miền Bắc XHCN, để Miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.
D: Chống chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi quyền tự do, dân chủ.

Câu 24. Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là gì?
A. Dùng người Việt đánh người Việt.
B. Sử dụng phương tiện chiến tranh và "cố vấn" Mĩ.
C. Tiến hành dồn dân, lập "ấp chiến lược".
D. Phá hoại cách mạng miền Bắc.

Câu 25. Yếu tố nào được xem là "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?
A. Ngụy quân.
B. Ngụy quyền.
C. "Ấp chiến lược".
D. Đô thị (hậu cứ).

Câu 26. "Đồng khởi" có nghĩa là gì?
A. Đồng chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn.
B. Đồng sức đứng dậy khởi nghĩa.
C. Đồng loạt đứng dậy khởi nghĩa.
D. Đồng tâm hiệp lực khởi nghĩa.
Câu 27. Nghị quyết lần thứ 15 của Đảng (1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?
A. Đấu tranh hòa bình đòi thi hành Hiệp định Giơ- ne- vơ.
B. Đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do trong cả nước.
C. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.
D. Đấu tranh quân sự, thực hiện thống nhất đất nước.
Câu 28. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?
A. Giáng một đòn mạnh mẽ vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.
B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
C. Chứng tỏ lực lượng cách mạng của ta đã phát triển mạnh. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
Câu 29. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương (2/1951) có ý nghĩa như thế nào?
A. Đại hội xây dựng Chủ nghĩa xã hội.
B. Đại hội kháng chiến thắng lợi.
C. Đại hội kháng chiến toàn dân.
D. Đại hội xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
Câu 30. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương (2/1951) được tổ chức tại đâu?
A. Chiêm Hóa, Tuyên Quang.
B. Nghĩa Lộ, Yên Bái.
C. Chợ Mới, Bắc Cạn.
D. Chợ Bến, Hòa Bình.
Câu 31. Điểm chung về mục đích của thực dân Pháp khi thực hiện kế hoạch Rơ-ve và Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là gì?
A.Chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc.
B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
C. Giành quyền chủ động chiến lược.
D. Khóa chặt biên giới Việt-Trung.
Câu 32. Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là chiến dịch nào?
A. Chiến dịch Thượng Lào (1953).
B.Chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông (1947).
C: Chến dịch Hòa Bình Đông-Xuân (1951-1952).
D. Chiến dịch Biên giới Thu- Đông (1950).
Câu 33. Mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ, quân ta tấn công vào đâu?
A. Phía Đông phân khu trung tâm.
B. Phân khu trung tâm.
C. Phân khu Bắc.
D. Phân khu Nam.

Câu 34. Thắng lợi lớn nhất mà nhân dân Việt Nam đạt được trong hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương là gì?

A. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

B. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

C. Pháp cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

D. Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

Câu 35. Sự kiện nào là mốc đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)?

A. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

B. Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Hà Nội.

C. Quân Pháp xuống tàu rút khỏi Hải Phòng.

D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết

Câu 36. Cuộc tiến công nào trong giai đoạn 1945-1954 đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va của Pháp?

A. Chiến dịch Biên giới Thu-Đông (1950).

B. Chiến dịch Trung Lào (1953).

C. Chiến dịch Thượng Lào (1954).

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân (1953-1954).

Câu 37. Nhiệm vụ chính của Miền Bắc từ sau năm 1954 là gì?

A. Hoàn thành Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Tiếp tục Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà.

C. Giúp đỡ cách mạng miền Nam để tiến tới thống nhất đất nước.

D. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 38. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất.

B. Có vai trò cơ bản nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp.

D. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 39. Lực lượng chủ đạo tiến hành Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là lực lượng nào?

A. Quân đội Sài Gòn

B. Quân Mĩ

C. Quân Mĩ, quân đội tay sai

D. Quân Mĩ, quân đồng minh

Câu 40. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là:

A. Đế quốc Mĩ.

B. Thực dân Pháp.

C. Chính quyền Sài Gòn

D. Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

.....Chúc các em làm bài thật tốt!.....

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM

(Mã đề 902- Gồm có 05 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2022 – 2023.
Môn: Lịch sử 9
Tiết theo KHDH: 45- Thời gian làm bài: 45 phút

Ghi chữ cái trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Bước vào năm 1950, sự kiện quốc tế nào sau đây có lợi cho phía ta?
A. 1949 nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.
B. Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Cam-pu-chia phát triển mạnh.
C. Phong trào phản đối chiến tranh Đông Dương của nhân dân Pháp lên cao.
D. Sau chiến dịch Việt Bắc (1947) so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.

Câu 2. Vì sao Đảng, Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới 1950?
A. Tạo điều kiện để thúc đẩy cuộc kháng chiến của ta tiến lên một bước.
B. Khai thông đường biên giới Việt- Lào, mở rộng liên lạc với quốc tế.
C. Khai thông biên giới Việt- Trung.
D. Để đánh bại ý chí xâm lược Việt Nam của Pháp.

Câu 3. Việc Mĩ đồng ý với Pháp thực hiện kế hoạch Rơ-ve (5/1949) là mốc mở đầu cho:
A. thời kỳ Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á.
B. quá trình Mĩ dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.
C. sự hình thành liên minh quân sự mang tên "Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á" (SEATO).
D. chính sách xoay trục của Mĩ, tăng cường ảnh hưởng của Mĩ tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

Câu 4. Sự khác nhau về chiến lược giữa chiến dịch Biên giới 1950 và chiến dịch Việt Bắc 1947 là gì?
A. Loại hình tác chiến.
B. Địa hình tác chiến.
C. Đối tượng tác chiến.
D. Mục tiêu chiến dịch.

Câu 5. "Thắng lợi này chứng minh sự trưởng thành của quân đội ta và cuộc kháng chiến từ thế phòng ngự sang thế tiến công". Đó là ý nghĩa lịch sử của chiến dịch nào?
A. Chiến dịch Việt Bắc 1947.
B. Chiến dịch Biên giới 1950.
C. Chiến dịch Tây Bắc 1952.
D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 6. Mục tiêu chính của Pháp và Mĩ khi thực hiện kế hoạch Rơ- ve là:
A. Khóa chặt đường biên giới Việt- Trung.
B. Cắt đứt con đường số 4.
C. Tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.
D. Khóa chặt biên giới Việt- Lào.

Câu 7. Trận đánh mở màn chiến dịch Biên giới Thu – Đông năm 1950 là
A. Thất Khê.
B. Đông Khê.
C. Cao Bằng.
D. Yên Bái.

Câu 8. Kết quả lớn nhất của ta trong chiến dịch Biên giới 1950 là gì?
A. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 quân địch.
B. Giải phóng toàn tuyến biên giới Việt- Trung.
C. Hành lang Đông-Tây bị chọc thủng ở Hoà Bình.
D. Bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc, làm phá sản kế hoạch Na- va của Pháp và Mĩ.

Câu 9. Ai là người trực tiếp chỉ đạo chiến dịch Biên giới năm 1950?

A. Tổng bí thư Trường Chinh.
B. Thủ tướng Phạm Văn Đồng.
C. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.
D. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 10. Đại hội Đảng lần thứ II quyết định Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là gì?

A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Đảng Lao động Việt Nam.
D. Đảng Cần lao Nhân vị.

Câu 11. Kế hoạch Na-va ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. Lực lượng của Pháp suy yếu sau 8 năm tiến hành chiến tranh, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, gặp nhiều khó khăn về kinh tế, chính trị.
B. Tranh thủ sự viện trợ của Mĩ cho cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.
C. Chiến tranh Triều Tiên kết thúc.
D. Pháp đang nắm thế chủ động trên chiến trường.

Câu 12. Ai là tổng chỉ huy quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954?

A. Trung tướng Vương Thừa Vũ
B. Thượng tướng Hoàng Minh Thảo.
C. Đại tướng Văn Tiến Dũng.
D. Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Câu 13. Mục tiêu chính của Pháp, Mĩ trong việc đề ra kế hoạch quân sự Na-va là gì?

A. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
B. Hi vọng "kết thúc chiến tranh trong danh dự".
C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng, buộc Việt Nam phải đi đến đàm phán với Pháp.
D Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong tư thế thắng trận.

Câu 14 Điện Biên Phủ được mệnh danh là:

A. Cỗ máy xay thịt ở Đông Dương.
B. Pháo đài bất khả xâm phạm.
C. Căn cứ quân sự lớn nhất Châu Á.
D. Tử huyệt của quân đội Việt Nam.

Câu 15. Mục tiêu của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

A. Đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.
B.Tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ, bẽ gãy ý chí xâm lược của chúng.
C. Tiêu diệt lực địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Lào.
D. Đập tan tham vọng, dã tâm xâm lược Việt Nam của Pháp và Mĩ.

Câu 16. Theo Hiệp định Giơ- ne- vơ, vĩ tuyến 17 là:

A. Ranh giới giữa hai quốc gia.
B. Ranh giới quân sự tạm thời.
C. Khu phi quân sự.
D. Ranh tuyến quân sự tạm thời.

Câu 17: Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953- 1954 là gì?

A. Buộc chúng phải phân tán lực lượng để đối phó với ta. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Na- va.
B. Tiêu diệt một bộ phân quan trọng sinh lực của địch.
C. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va.
D. Giải phóng được một vùng đất đai rộng lớn, buộc Pháp phải co cụm lại tại Điện Biên Phủ.

Câu 18. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với một đường lối chính trị, quân sự, kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
B. Truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.
C. Có hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.
D. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương và sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới.

Câu 19. Vì sao Pháp, Mĩ đánh giá Điện Biên Phủ là "Pháo đài bất khả xâm phạm"?
A. Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.
B. Điện Biên Phủ do các tướng lĩnh giỏi nhất của Pháp chỉ huy.
C. Điện Biên Phủ được tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của Pháp
D. Điện Biên Phủ có hệ thống phòng ngự liên hoàn vững chắc.

Câu 20. Ngày 10- 10- 1954 diễn ra sự kiện quan trọng gì ở Việt Nam?
A. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô.
B. Pháp rút khỏi Hà Nội, bộ đội ta vào tiếp quản thủ đô.
C. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
D. Pháp rút quân khỏi miền Nam.

Câu 21. Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơ- ne- vơ năm 1954 như thế nào?
A. Thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.
B. Tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược.
C. Thực hiện hiệp thương, tổng tuyển cử tự do để đi đến thống nhất đất nước.
D. Tạm thời chia cắt làm hai miền lấy vĩ tuyến 17 là ranh giới quân sự tạm thời.

Câu 22. Pháp rút lui khỏi miền Nam, Mĩ liền đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền ở miền Nam Việt Nam để thực hiện âm mưu gì?
A. Chống phá cách mạng miền Bắc.
B. Chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ của Mĩ.
C. Cô lập miền Bắc.
D. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 23. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau khi Hiệp định Giơ- ne- vơ được ký kết là gì?
A. Tiếp tục đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp.
B. Đấu tranh chính trị chống Mĩ- Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne- vơ, bảo vệ hòa bình.
C. Bảo vệ miền Bắc XHCN, để Miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.
D. Chống chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi quyền tự do, dân chủ.

Câu 24. Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là gì?
A. Dùng người Việt đánh người Việt.
B. Sử dụng phương tiện chiến tranh và "cố vấn" Mĩ.
C. Tiến hành dồn dân, lập "ấp chiến lược".
D. Phá hoại cách mạng miền Bắc.

Câu 25. Yếu tố nào được xem là "xương sống" của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"?
A. Ngụy quân.
B. Ngụy quyền.
C. "Ấp chiến lược".
D. Đô thị (hậu cứ).

Câu 26. "Đồng khởi" có nghĩa là gì?
A. Đồng chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn.
B. Đồng sức đứng dậy khởi nghĩa.
C. Đồng loạt đứng dậy khởi nghĩa.
D. Đồng tâm hiệp lực khởi nghĩa.
Câu 27. Nghị quyết lần thứ 15 của Đảng (1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là gì?
A. Đấu tranh hòa bình đòi thi hành Hiệp định Giơ- ne- vơ.
B. Đòi hiệp thương tổng tuyển cử tự do trong cả nước.
C. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.
D. Đấu tranh quân sự, thực hiện thống nhất đất nước.
Câu 28. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?
A. Giáng một đòn mạnh mẽ vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.
B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
C. Chứng tỏ lực lượng cách mạng của ta đã phát triển mạnh. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
Câu 29. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương (2/1951) có ý nghĩa như thế nào?
A. Đại hội xây dựng Chủ nghĩa xã hội.
B. Đại hội kháng chiến thắng lợi.
C. Đại hội kháng chiến toàn dân.
D. Đại hội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
Câu 30. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng cộng sản Đông Dương (2/1951) được tổ chức tại đâu?
A. Chiêm Hóa, Tuyên Quang.
B. Nghĩa Lộ, Yên Bái.
C. Chợ Mới, Bắc Cạn.
D. Chợ Bến, Hòa Bình.
Câu 31. Điểm chung về mục đích của thực dân Pháp khi thực hiện kế hoạch Rơ-ve và Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là gì?
A.Chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc.
B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
C. Giành quyền chủ động chiến lược.
D. Khóa chặt biên giới Việt-Trung.
Câu 32. Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là chiến dịch nào?
A. Chiến dịch Thượng Lào (1953).
B. Chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông (1947).
C. Chến dịch Hòa Bình Đông-Xuân (1951-1952).
D. Chiến dịch Biên giới thu- đông (1950).
Câu 33. Mở đầu Chiến dịch Điện Biên Phủ, quân ta tấn công vào đâu?
A. Phía Đông phân khu Trung tâm.
B. Phân khu Trung tâm.
C. Phân khu Bắc.
D. Phân khu Nam.

Câu 34: Thắng lợi lớn nhất mà nhân dân Việt Nam đạt được trong Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương là gì?

A. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

B. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

C. Pháp cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

D. Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

Câu 35. Sự kiện nào là mốc đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)?

A. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

B. Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Hà Nội.

C. Quân Pháp xuống tàu rút khỏi Hải Phòng.

D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết

Câu 36. Cuộc tiến công nào trong giai đoạn 1945-1954 đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va của Pháp?

A. Chiến dịch Biên giới thu-đông (1950).

B. Chiến dịch Trung Lào (1953).

C. Chiến dịch Thượng Lào (1954).

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân (1953-1954).

Câu 37. Nhiệm vụ chính của Miền Bắc từ sau năm 1954 là gì?

A. Hoàn thành Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Tiếp tục Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà.

C. Giúp đỡ cách mạng miền Nam để tiến tới thống nhất đất nước.

D. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 38. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất.

B. Có vai trò cơ bản nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp.

D. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 39. Lực lượng chủ đạo tiến hành Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là lực lượng nào?

A. Quân đội Sài Gòn

B. Quân Mĩ

C. Quân Mĩ, quân đội tay sai

D. Quân Mĩ, quân đồng minh

Câu 40. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là:

A. Đế quốc Mĩ.

B. Thực dân Pháp.

C. Chính quyền Sài Gòn

D. Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

.....Chúc các em làm bài thật tốt!.....